BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA K18 (2012 - 2016) HỆ ĐẠI HỌC
ĐÃ HOÀN THÀNH BA HỌC PHẦN MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH ĐỐI VỚI HỆ ĐẠI HỌC
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP CHỨNG CHỈ GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH HỆ ĐẠI HỌC
Ban hành kèm theo Quyết định số: / QĐ - ĐHDT, ngày tháng năm 2013

STT	MSSV	SVS	HỌ VÀ	TÊN	NG.SINH	LỚP	HP1	HP2	HP3	ĐTB	XL	N.SINH	G.CHÚ
1	1821175257	0693QP/K18ĐH	Bùi Tuấn	**Anh**	08/03/1993	K18EĐT	6.1	7.2	5.8	**6.4**	TBK	Quảng Nam	
2	1821174159	0694QP/K18ĐH	Bùi Công	**Cảnh**	16/11/1993	K18EĐT	5.8	6.6	6.3	**6.2**	TBK	Đà Nẵng	
3	1821173861	0695QP/K18ĐH	Phạm Văn	**Cao**	29/12/1994	K18EĐT	6.1	5.8	6.7	**6.2**	TBK	Đà Nẵng	
4	1821164149	0696QP/K18ĐH	Trần Hải	**Đăng**	26/08/1994	K18EĐT	6.8	6.1	6.0	**6.3**	TBK	Quảng Nam	
5	1821174804	0697QP/K18ĐH	Đinh Văn	**Đạt**	27/02/1994	K18EĐT	7.1	6.6	6.3	**6.7**	TBK	Quảng Nam	
6	1821175671	0698QP/K18ĐH	Hồ Thức	**Đức**	20/10/1994	K18EĐT	7.0	7.1	7.0	**7.0**	K	Nghệ An	
7	1821164153	0699QP/K18ĐH	Huỳnh Đức	**Hải**	08/02/1994	K18EĐT	7.3	7.5	6.8	**7.2**	K	Quảng Nam	
8	1821175672	0700QP/K18ĐH	Lê Ngọc	**Hoàng**	18/04/1994	K18EĐT	6.1	6.5	6.3	**6.3**	TBK	Quảng Bình	
9	1821173576	0701QP/K18ĐH	Trần Lê Huy	**Hoàng**	12/01/1994	K18EĐT	6.6	8.0	6.8	**7.1**	K	Huế	
10	1821173862	0702QP/K18ĐH	Nguyễn Thế	**Học**	20/07/1994	K18EĐT	6.3	7.3	6.7	**6.8**	TBK	Quảng Nam	
11	1821174160	0703QP/K18ĐH	Lê Văn	**Hùng**	02/11/1994	K18EĐT	5.6	6.1	6.3	**6.0**	TBK	Đà Nẵng	
12	1821174800	0704QP/K18ĐH	Đoàn Việt	**Hưng**	04/05/1994	K18EĐT	6.3	6.3	6.5	**6.4**	TBK	Quảng Bình	
13	1821174162	0705QP/K18ĐH	Nguyễn Viết	**Huy**	01/11/1993	K18EĐT	6.0	6.5	7.0	**6.5**	TBK	Quảng Trị	
14	1821174158	0706QP/K18ĐH	Trần Phước	**Lân**	17/06/1994	K18EĐT	6.6	7.5	7.0	**7.0**	K	Quảng Nam	
15	1821174161	0707QP/K18ĐH	Phạm Văn	**Lễ**	20/04/1994	K18EĐT	6.8	7.3	7.4	**7.2**	K	Huế	
16	1821176029	0708QP/K18ĐH	Nguyễn Viết	**Long**	01/01/1992	K18EĐT	7.1	7.4	7.0	**7.2**	K	Quảng Nam	
17	1821175256	0709QP/K18ĐH	Đặng Văn	**Nga**	22/03/1994	K18EĐT	6.1	7.1	7.0	**6.7**	TBK	Quảng Bình	
18	1821175670	0710QP/K18ĐH	Võ Trịnh	**Nguyên**	15/04/1993	K18EĐT	6.8	6.8	6.7	**6.8**	TBK	Quảng Nam	
19	1821174799	0711QP/K18ĐH	Phạm Quang	**Nhân**	22/04/1994	K18EĐT	6.6	6.6	6.8	**6.7**	TBK	Quảng Nam	
20	1821176299	0712QP/K18ĐH	Lê Thanh	**Phúc**	04/03/1994	K18EĐT	6.6	6.1	6.5	**6.4**	TBK	Quảng Trị	
21	1821175259	0713QP/K18ĐH	Trần Xuân	**Quý**	01/01/1994	K18EĐT	6.0	5.6	6.1	**5.9**	TB	Đà Nẵng	
22	1821173863	0714QP/K18ĐH	Lục Trần Thiện	**Tâm**	01/11/1994	K18EĐT	6.6	7.3	7.0	**7.0**	K	Quảng Ngãi	
23	1821175260	0715QP/K18ĐH	Lê Văn	**Thắng**	28/05/1994	K18EĐT	5.8	5.6	6.6	**6.0**	TBK	Quảng Bình	
24	1821176030	0716QP/K18ĐH	Phan Hoàng	**Thiện**	17/12/1993	K18EĐT	6.6	6.6	7.0	**6.7**	TBK	Quảng Nam	
25	1821175258	0717QP/K18ĐH	Nguyễn Bá	**Thiện**	18/12/1994	K18EĐT	5.8	6.5	6.8	**6.4**	TBK	Đà Nẵng	
26	1821174798	0718QP/K18ĐH	Đỗ Văn	**Thông**	10/07/1994	K18EĐT	6.0	6.8	6.0	**6.3**	TBK	Quảng Bình	
27	1821174801	0719QP/K18ĐH	Phạm Đình	**Tuân**	13/08/1994	K18EĐT	6.1	6.6	6.8	**6.5**	TBK	Quảng Nam	

STT	MSSV	SVS	HỌ VÀ	TÊN	NG.SINH	LỚP	HP1	HP2	HP3	ĐTB	XL	N.SINH	G.CHÚ
1	1821164154	0720QP/K18ĐH	Lê Trung	**Anh**	11/01/1994	K18EVT	5.3	5.6	6.8	**5.9**	TB	Quảng Nam	
2	1821164792	0721QP/K18ĐH	Nguyễn Quỳnh Quang	**Chương**	02/01/1993	K18EVT	6.1	7.2	6.5	**6.6**	TBK	Đà Nẵng	
3	1821165669	0722QP/K18ĐH	Nguyễn Văn	**Đức**	25/02/1994	K18EVT	6.8	6.6	6.7	**6.7**	TBK	Quảng Nam	
4	1821164152	0723QP/K18ĐH	Nguyễn Huy	**Khang**	17/08/1994	K18EVT	6.3	7.5	7.2	**7.0**	K	Đà Nẵng	
5	1821163858	0724QP/K18ĐH	Nguyễn Quốc	**Khánh**	02/09/1994	K18EVT	6.1	6.6	7.0	**6.6**	TBK	Quảng Nam	
6	1821164795	0725QP/K18ĐH	Nguyễn Văn	**Khánh**	11/05/1994	K18EVT	6.3	5.6	7.0	**6.3**	TBK	Quảng Nam	
7	1821164155	0726QP/K18ĐH	Nguyễn Đăng Anh	**Khoa**	24/12/1993	K18EVT	5.6	6.6	6.3	**6.2**	TBK	Đà Nẵng	
8	1821164148	0727QP/K18ĐH	Trần Hữu	**Khỏe**	07/06/1994	K18EVT	7.0	7.0	7.0	**7.0**	K	Quảng Nam	
9	1821163859	0728QP/K18ĐH	Ngô Hà Cẩm	**Khương**	02/02/1994	K18EVT	6.3	7.0	7.2	**6.8**	TBK	Đà Nẵng	
10	1821164151	0729QP/K18ĐH	Nguyễn Hữu	**Nam**	10/05/1994	K18EVT	6.0	6.6	6.8	**6.5**	TBK	Quảng Nam	
11	1821165667	0730QP/K18ĐH	Võ Thành	**Nghĩa**	15/05/1994	K18EVT	6.1	6.6	7.0	**6.6**	TBK	Đà Nẵng	
12	1821166028	0731QP/K18ĐH	Trần Duy	**Phan**	02/04/1994	K18EVT	6.8	6.8	7.0	**6.9**	TBK	Quảng Nam	
13	1821164156	0732QP/K18ĐH	Hồ Văn	**Phi**	08/06/1994	K18EVT	6.6	6.6	7.0	**6.7**	TBK	Nghệ An	
14	1821123985	0733QP/K18ĐH	Phạm Quốc	**Phú**	09/08/1994	K18EVT	6.8	6.6	7.2	**6.9**	TBK	Đà Nẵng	
15	1821164793	0734QP/K18ĐH	Hoàng Văn	**Sinh**	04/09/1994	K18EVT	5.8	6.1	6.7	**6.2**	TBK	Quảng Nam	
16	1821163860	0735QP/K18ĐH	Nguyễn Phương	**Tiên**	27/07/1993	K18EVT	6.8	6.8	6.7	**6.8**	TBK	Quảng Nam	
17	1821165666	0736QP/K18ĐH	Nguyễn Công	**Tín**	02/03/1994	K18EVT	6.6	6.6	6.8	**6.7**	TBK	Đà Nẵng	

18	1821166298	0737QP/K18ĐH	Nguyễn Mạnh	**Tuấn**	25/01/1994	K18EVT	6.3	6.1	7.2	**6.5**	TBK	Gia Lai	
19	1821166577	0738QP/K18ĐH	Đoàn Phước	**Tuấn**	09/06/1994	K18EVT	6.8	6.6	7.4	**6.9**	TBK	Quảng Trị	
20	1821165668	0739QP/K18ĐH	Hà Kim	**Tùng**	17/07/1994	K18EVT	5.6	6.1	7.0	**6.2**	TBK	Bình Định	
21	1821165251	0740QP/K18ĐH	Lê Nguyễn Trung	**Thành**	02/11/1994	K18EVT	6.6	6.1	6.5	**6.4**	TBK	Gia Lai	
22	1821165255	0741QP/K18ĐH	Nguyễn Văn	**Thảo**	01/10/1993	K18EVT	6.8	7.3	6.9	**7.0**	K	Quảng Nam	
23	1821163572	0742QP/K18ĐH	Trần Quốc	**Thương**	26/05/1992	K18EVT	7.0	7.3	7.2	**7.2**	K	Đà Nẵng	
24	1821166513	0743QP/K18ĐH	Phùng Nghĩa	**Viễn**	25/03/1993	K18EVT	6.6	6.5	6.5	**6.5**	TBK	Đà Nẵng	
25	1821164791	0744QP/K18ĐH	Phạm Quốc	**Việt**	15/10/1994	K18EVT	6.3	6.3	7.0	**6.5**	TBK	Đà Nẵng	
26	1821165252	0745QP/K18ĐH	Phạm Quang	**Vinh**	08/12/1994	K18EVT	6.1	6.8	7.4	**6.8**	TBK	Đà Nẵng	

STT	MSSV	SVS	HỌ VÀ	TÊN	NG.SINH	LỚP	HP1	HP2	HP3	ĐTB	XL	N.SINH	G.CHÚ
1	1821356466	0746QP/K18ĐH	Lê Tuấn	**Anh**	01/07/1993	K18VQH	6.8	6.1	6.4	**6.4**	TBK	Hà Tĩnh	
2	1820335903	0747QP/K18ĐH	Huỳnh Thị Kim	**Dung**	17/03/1994	K18VQH	6.5	7.2	7.2	**7.0**	K	Đà Nẵng	
3	1820356469	0748QP/K18ĐH	Lê Thị Phương	**Dung**	05/07/1994	K18VQH	6.6	7.7	6.4	**6.9**	TBK	Quảng Nam	
4	1821354431	0749QP/K18ĐH	Diệp Kiều	**Dung**	16/11/1994	K18VQH	6.6	6.8	7.5	**7.0**	K	Quảng Bình	
5	1821354981	0750QP/K18ĐH	Đinh Văn	**Dũng**	18/11/1994	K18VQH	7.3	6.1	6.3	**6.6**	TBK	Thanh Hóa	
6	1820356102	0751QP/K18ĐH	Hoàng Thị Hải	**Hà**	17/08/1993	K18VQH	6.3	6.3	6.5	**6.4**	TBK	Quảng Bình	
7	1820356468	0752QP/K18ĐH	Mai Khánh	**Hiền**	23/10/1994	K18VQH	6.6	6.6	7.2	**6.8**	TBK	Nam Định	
8	1820336465	0753QP/K18ĐH	Lê Thị Khánh	**Hòa**	18/05/1994	K18VQH	6.8	6.6	6.4	**6.6**	TBK	Quảng Ngãi	
9	1821355747	0754QP/K18ĐH	Ngô Phúc	**Hưng**	16/03/1992	K18VQH	7.3	7.3	7.2	**7.3**	K	Quảng Trị	
10	1820356348	0755QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Mỹ	**Liên**	26/07/1994	K18VQH	7.3	7.2	6.3	**6.9**	TBK	Đà Nẵng	
11	1820335426	0756QP/K18ĐH	Phạm Thị Mỹ	**Linh**	11/10/1994	K18VQH	7.3	7.7	7.1	**7.4**	K	Quảng Bình	
12	1820336347	0757QP/K18ĐH	Trương Thị Nhật	**Linh**	26/03/1991	K18VQH	6.6	6.8	6.5	**6.6**	TBK	Huế	
13	1820335902	0758QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Ngọc	**Mai**	02/06/1991	K18VQH	6.1	7.0	6.3	**6.5**	TBK	Đà Nẵng	
14	1820356554	0759QP/K18ĐH	Mai Thị Kim	**Ngân**	26/06/1994	K18VQH	7.5	6.6	6.8	**7.0**	K	Quảng Nam	
15	1820336464	0760QP/K18ĐH	Phạm Thị	**Nhung**	20/04/1994	K18VQH	6.1	6.5	6.2	**6.3**	TBK	Quảng Nam	
16	1820356467	0761QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Kim	**Oanh**	05/01/1994	K18VQH	6.9	6.5	7.8	**7.1**	K	Quảng Nam	
17	1820356470	0762QP/K18ĐH	Trần Thị Như	**Quý**	02/09/1993	K18VQH	6.6	7.0	7.5	**7.0**	K	Gia Lai	
18	1821335425	0763QP/K18ĐH	Nguyễn Giang	**Thanh**	17/12/1993	K18VQH	6.8	7.0	6.3	**6.7**	TBK	Quảng Bình	
19	1820335746	0764QP/K18ĐH	Bùi Thị Huyền	**Trang**	26/05/1994	K18VQH	7.3	7.1	7.0	**7.1**	K	Quảng Bình	
20	1820354980	0765QP/K18ĐH	Trần Thị Kiều	**Trang**	15/07/1994	K18VQH	8.0	7.5	7.0	**7.5**	K	Gia Lai	
21	1820334979	0766QP/K18ĐH	Lê Thị Phương	**Uyên**	10/08/1994	K18VQH	7.5	7.0	6.7	**7.1**	K	Gia Lai	
22	1820336588	0767QP/K18ĐH	Lê Thị	**Vân**	20/06/1994	K18VQH	6.3	5.6	6.5	**6.1**	TBK	Quảng Bình	
23	1820354983	0768QP/K18ĐH	Trần Thị Ái	**Vân**	15/10/1994	K18VQH	5.8	6.3	7.0	**6.4**	TBK	Quảng Bình	
24	1821354982	0769QP/K18ĐH	Phạm Ngọc	**Vũ**	20/01/1994	K18VQH	6.8	6.1	6.7	**6.5**	TBK	Bình Định	

STT	MSSV	SVS	HỌ VÀ	TÊN	NG.SINH	LỚP	HP1	HP2	HP3	ĐTB	XL	N.SINH	G.CHÚ
1	1821414770	0770QP/K18ĐH	Nguyễn Công	**An**	14/02/1994	K18KTR1	6.9	5.6	6.1	**6.2**	TBK	Quảng Nam	
2	1820414767	0771QP/K18ĐH	Phạm Trâm	**Anh**	29/03/1993	K18KTR1	6.9	6.6	6.3	**6.6**	TBK	Gia Lai	
3	1821414757	0772QP/K18ĐH	Lê Quang	**Anh**	18/05/1993	K18KTR3	6.6	6.6	7.2	**6.8**	TBK	Quảng Nam	
4	1821414093	0773QP/K18ĐH	Phạm Khánh	**Bảo**	01/01/1993	K18KTR2	6.5	6.8	6.1	**6.5**	TBK	Quảng Nam	
5	1820415222	0774QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Kim	**Bình**	11/04/1994	K18KTR1	6.1	5.8	6.1	**6.0**	TBK	Phú Yên	
6	1821416013	0776QP/K18ĐH	Trần Mạnh	**Cường**	16/06/1994	K18KTR1	6.6	6.3	6.3	**6.4**	TBK	Quảng Bình	
7	1821416202	0777QP/K18ĐH	Võ Đức	**Cường**	06/01/1993	K18KTR2	6.6	7.0	6.5	**6.7**	TBK	Quảng Trị	
8	1821414077	0778QP/K18ĐH	Nguyễn Viết	**Cường**	10/07/1994	K18KTR3	6.1	5.6	7.0	**6.2**	TBK	Quảng Ngãi	
9	1821414105	0779QP/K18ĐH	Trần Viết	**Đan**	22/12/1994	K18KTR3	6.8	6.5	7.2	**6.8**	TBK	Đà Nẵng	
10	1821415214	0780QP/K18ĐH	Nguyễn Khắc Nhật	**Danh**	06/11/1994	K18KTR1	5.3	6.7	6.1	**6.0**	TBK	Nghệ An	
11	1820414760	0781QP/K18ĐH	Nguyễn Thị	**Diễm**	05/03/1994	K18KTR2	6.1	6.1	7.0	**6.4**	TBK	Quảng Bình	
12	1821414073	0782QP/K18ĐH	Nguyễn Văn	**Diệu**	03/08/1992	K18KTR3	5.6	6.1	7.0	**6.2**	TBK	Quảng Nam	
13	1821413534	0783QP/K18ĐH	Từ Văn	**Định**	20/09/1994	K18KTR1	6.1	7.3	6.8	**6.7**	TBK	Quảng Ngãi	
14	1821416619	0784QP/K18ĐH	Phạm Ngọc	**Duẩn**	25/05/1994	K18KTR3	6.1	6.1	7.2	**6.5**	TBK	Quảng Ngãi	
15	1821415220	0785QP/K18ĐH	Nguyễn Tây	**Đức**	22/08/1993	K18KTR1	6.6	6.6	6.1	**6.4**	TBK	Quảng Bình	
16	1821414074	0786QP/K18ĐH	Hà Ngọc	**Đức**	02/10/1994	K18KTR2	5.6	5.6	6.1	**5.8**	TB	Đà Nẵng	
17	1821414772	0787QP/K18ĐH	Nguyễn Anh	**Đức**	13/07/1994	K18KTR3	6.3	6.1	6.5	**6.3**	TBK	Quảng Bình	
18	1820413843	0788QP/K18ĐH	Lưu Thị Hạnh	**Dung**	14/02/1993	K18KTR2	6.3	7.0	6.7	**6.7**	TBK	Quảng Nam	
19	1821414103	0789QP/K18ĐH	Võ Hùng Uy	**Dũng**	25/04/1994	K18KTR1	6.8	7.1	6.6	**6.8**	TBK	Đà Nẵng	
20	1821414098	0790QP/K18ĐH	Nguyễn Văn	**Dương**	13/07/1994	K18KTR3	6.8	6.6	6.8	**6.7**	TBK	Quảng Nam	
21	1821416201	0791QP/K18ĐH	Phạm Đức	**Duy**	09/07/1993	K18KTR1	5.6	6.8	6.5	**6.3**	TBK	Quảng Nam	
22	1821416012	0792QP/K18ĐH	Nguyễn Huy	**Giáp**	22/04/1994	K18KTR2	6.6	6.1	6.3	**6.3**	TBK	Quảng Bình	
23	1821416015	0793QP/K18ĐH	Nguyễn Hoàng	**Hải**	02/01/1994	K18KTR3	6.1	6.6	6.3	**6.3**	TBK	Khánh Hòa	
24	1821414754	0794QP/K18ĐH	Nguyễn Văn	**Hảo**	21/03/1994	K18KTR1	6.6	6.1	6.6	**6.4**	TBK	Quảng Bình	
25	1820425247	0795QP/K18ĐH	Võ Thị	**Hảo**	22/10/1994	K18KTR2	7.3	7.0	6.1	**6.8**	TBK	Quảng Bình	
26	1821415208	0796QP/K18ĐH	Nguyễn	**Hêli**	06/09/1994	K18KTR3	5.8	5.6	6.8	**6.1**	TBK	Đà Nẵng	
27	172236479	0797QP/K18ĐH	Nguyễn Vinh	**Hiển**	29/10/1993	K18KTR1	5.6	7.0	6.3	**6.3**	TBK	Đà Nẵng	
28	1821415216	0798QP/K18ĐH	Nguyễn Văn	**Hiệp**	02/06/1994	K18KTR1	6.1	6.8	6.3	**6.4**	TBK	Quảng Nam	
29	1821414097	0799QP/K18ĐH	Lê Thanh	**Hiếu**	29/05/1994	K18KTR2	8.0	8.0	8.0	**8.0**	G	Đà Nẵng	
30	1821415195	0800QP/K18ĐH	Lê Ngọc	**Hiếu**	06/01/1993	K18KTR3	6.1	6.0	6.5	**6.2**	TBK	Quảng Trị	
31	1821416424	0801QP/K18ĐH	Trần Cao Khánh	**Hòa**	04/06/1993	K18KTR2	7.0	6.5	6.6	**6.7**	TBK	Kiên Giang	
32	1821413549	0802QP/K18ĐH	Trương Khánh	**Hòa**	09/01/1994	K18KTR3	6.3	6.1	7.0	**6.5**	TBK	Quảng Trị	

33	1821415213	0803QP/K18ĐH	Nguyễn Thanh	**Hoài**	11/07/1994	K18KTR1	5.6	6.6	6.3	**6.2**	TBK	Quảng Nam	
34	1821415215	0804QP/K18ĐH	Trần Trung	**Hoài**	10/02/1993	K18KTR2	6.6	6.5	6.6	**6.6**	TBK	Quảng Bình	
35	1821414106	0805QP/K18ĐH	Nguyễn Phước	**Hoàng**	20/12/1994	K18KTR1	6.1	7.2	6.3	**6.5**	TBK	Đà Nẵng	
36	1821414096	0806QP/K18ĐH	Trịnh Quốc	**Hoàng**	09/06/1994	K18KTR1	5.6	6.1	6.5	**6.1**	TBK	Đà Nẵng	
37	1821413531	0807QP/K18ĐH	Lâm Minh	**Hoàng**	09/01/1994	K18KTR1	6.3	6.1	6.3	**6.2**	TBK	Gia Lai	
38	1821415837	0808QP/K18ĐH	Lê Thái	**Hoàng**	17/01/1993	K18KTR2	5.8	6.1	6.8	**6.2**	TBK	Nghệ An	
39	1821415209	0809QP/K18ĐH	Nguyễn Vũ Minh	**Hoàng**	16/02/1994	K18KTR2	6.5	6.3	6.8	**6.5**	TBK	Đà Nẵng	
40	1821414768	0810QP/K18ĐH	Phạm Thái	**Hoàng**	26/08/1994	K18KTR3	6.1	6.5	7.0	**6.5**	TBK	Quảng Bình	
41	1821414753	0811QP/K18ĐH	Lê Phi	**Hoàng**	20/07/1993	K18KTR3	6.1	7.2	7.2	**6.8**	TBK	Huế	
42	1821414076	0812QP/K18ĐH	Lê Đình	**Huân**	23/06/1994	K18KTR2	5.6	6.1	6.6	**6.1**	TBK	Quảng Nam	
43	1821413844	0813QP/K18ĐH	Đào Thanh	**Hùng**	18/07/1994	K18KTR3	6.1	6.5	7.2	**6.6**	TBK	Đà Nẵng	
44	1820414101	0814QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Thanh	**Hương**	18/07/1993	K18KTR2	5.5	6.5	6.8	**6.3**	TBK	Đà Nẵng	
45	1821415833	0815QP/K18ĐH	Lê Công	**Hướng**	12/06/1994	K18KTR3	6.1	5.8	6.8	**6.2**	TBK	Nghệ An	
46	1821416200	0816QP/K18ĐH	Nguyễn Quang	**Huy**	20/07/1994	K18KTR1	6.1	6.3	6.8	**6.4**	TBK	Phú Thọ	
47	1821413545	0817QP/K18ĐH	Lê Quang	**Huy**	20/05/1994	K18KTR1	6.1	6.6	7.7	**6.8**	TBK	Khánh Hòa	
48	1821416011	0818QP/K18ĐH	Nguyễn Đặng Quốc	**Huy**	03/09/1993	K18KTR3	6.1	6.3	7.0	**6.5**	TBK	Quảng Nam	
49	1820414091	0819QP/K18ĐH	Nguyễn Thanh	**Huyền**	12/12/1994	K18KTR2	5.6	6.8	7.2	**6.5**	TBK	Quảng Nam	
50	1821415207	0820QP/K18ĐH	Nguyễn Văn	**Khải**	01/10/1994	K18KTR3	6.6	6.3	7.2	**6.7**	TBK	Quảng Nam	
51	1821415198	0821QP/K18ĐH	Ngô Đình	**Khánh**	03/04/1993	K18KTR1	6.1	6.6	6.3	**6.3**	TBK	Đà Nẵng	
52	1821414104	0822QP/K18ĐH	Trần Cao Minh	**Khánh**	20/03/1994	K18KTR1	5.8	5.6	6.3	**5.9**	TB	Đà Nẵng	
53	1821415834	0823QP/K18ĐH	Nguyễn Hoàng	**Khánh**	12/09/1994	K18KTR2	7.1	6.6	5.6	**6.4**	TBK	Quảng Nam	
54	1821415217	0824QP/K18ĐH	Nguyễn Quang	**Khánh**	18/02/1993	K18KTR3	5.8	5.8	7.2	**6.3**	TBK	Quảng Bình	
55	1821413839	0825QP/K18ĐH	Nguyễn Trung	**Kiên**	21/12/1994	K18KTR2	6.3	7.0	5.6	**6.3**	TBK	Gia Lai	
56	1821414080	0826QP/K18ĐH	Bùi Đức Nhất	**Linh**	23/10/1993	K18KTR1	6.8	6.8	6.1	**6.6**	TBK	DakLak	
57	1821415223	0827QP/K18ĐH	Hồ Hữu	**Linh**	24/01/1993	K18KTR2	6.1	6.6	5.8	**6.2**	TBK	DakLak	
58	1821415839	0828QP/K18ĐH	Trần Quang	**Linh**	20/02/1994	K18KTR3	5.8	6.6	6.8	**6.4**	TBK	Quảng Bình	
59	1821415838	0829QP/K18ĐH	Lê Quang	**Lợi**	18/07/1990	K18KTR1	7.1	6.3	6.5	**6.6**	TBK	Nghệ An	
60	1821416620	0830QP/K18ĐH	Trương Triệu	**Long**	08/01/1993	K18KTR1	6.3	5.6	6.5	**6.1**	TBK	Bình Định	
61	1821415652	0831QP/K18ĐH	Hồ Hải	**Long**	14/01/1994	K18KTR3	6.1	6.1	7.0	**6.4**	TBK	Khánh Hòa	
62	1821415204	0832QP/K18ĐH	Nguyễn Huy	**Nam**	27/02/1992	K18KTR3	6.1	5.6	7.0	**6.2**	TBK	Hà Tĩnh	
63	1821414078	0833QP/K18ĐH	Nguyễn Văn	**Nga**	25/04/1994	K18KTR2	6.3	6.0	5.5	**5.9**	TB	Quảng Nam	
64	1820414089	0834QP/K18ĐH	Trần Thị Thiên	**Nga**	03/05/1993	K18KTR3	6.1	6.1	7.2	**6.5**	TBK	Quảng Ngãi	
65	1820414108	0835QP/K18ĐH	Đỗ Thị Kim	**Ngân**	15/10/1994	K18KTR1	6.5	7.3	7.1	**7.0**	K	Đà Nẵng	
66	1820413539	0836QP/K18ĐH	Nguyễn Tạ Thảo	**Nguyên**	12/12/1994	K18KTR2	6.5	7.7	5.6	**6.6**	TBK	Đà Nẵng	
67	1821415212	0837QP/K18ĐH	Trần Kiêm	**Nguyên**	25/12/1993	K18KTR3	6.5	6.1	6.6	**6.4**	TBK	DakLak	
68	1820416422	0838QP/K18ĐH	Nguyễn Cửu Thanh	**Nhàn**	01/06/1993	K18KTR1	6.1	6.6	6.1	**6.3**	TBK	Huế	
69	1821414758	0839QP/K18ĐH	Lý Thành	**Nhân**	15/04/1992	K18KTR2	6.1	7.2	5.6	**6.3**	TBK	Đà Nẵng	
70	1820414107	0840QP/K18ĐH	Huỳnh Thị Ý	**Nhi**	19/10/1993	K18KTR3	6.3	6.3	6.8	**6.5**	TBK	Đà Nẵng	
71	1821415211	0841QP/K18ĐH	Dương Hiền	**Phát**	30/05/1994	K18KTR2	6.1	6.3	5.6	**6.0**	TBK	Bình Định	
72	1821413837	0842QP/K18ĐH	Nguyễn Bình Kim	**Phong**	04/11/1994	K18KTR1	5.8	5.6	6.8	**6.1**	TBK	Quảng Nam	
73	1821413840	0843QP/K18ĐH	Nguyễn Hữu	**Phúc**	04/12/1994	K18KTR1	5.6	7.2	7.3	**6.7**	TBK	Quảng Nam	
74	1821414092	0844QP/K18ĐH	Bùi Trường	**Phúc**	16/03/1993	K18KTR3	6.3	6.1	7.2	**6.5**	TBK	Quảng Ngãi	
75	1820413542	0845QP/K18ĐH	Trần Thị Thu	**Phương**	26/10/1994	K18KTR2	6.3	5.6	6.8	**6.2**	TBK	Đà Nẵng	
76	1821415654	0846QP/K18ĐH	Đoàn	**Quân**	21/01/1993	K18KTR1	5.6	6.8	6.5	**6.3**	TBK	Quảng Nam	
77	1821414099	0847QP/K18ĐH	Lê Tự	**Quang**	25/11/1993	K18KTR1	6.1	6.1	6.5	**6.2**	TBK	Quảng Nam	
78	1821414763	0848QP/K18ĐH	Trần Ngọc Nhật	**Quang**	16/12/1994	K18KTR2	6.0	7.2	6.6	**6.6**	TBK	Huế	
79	1821413538	0849QP/K18ĐH	Đoàn Thái	**Quang**	30/03/1994	K18KTR2	6.1	6.6	6.6	**6.4**	TBK	Quảng Nam	
80	1821414755	0850QP/K18ĐH	Hồ Thiện	**Quang**	10/08/1993	K18KTR3	5.6	6.3	7.0	**6.3**	TBK	Quảng Nam	
81	1821413838	0851QP/K18ĐH	Trần Xuân	**Quang**	15/11/1994	K18KTR3	6.1	6.1	7.0	**6.4**	TBK	Quảng Nam	
82	1821414752	0852QP/K18ĐH	Nguyễn Hữu	**Quốc**	22/02/1994	K18KTR1	6.1	5.6	6.3	**6.0**	TBK	Quảng Bình	
83	1821414071	0853QP/K18ĐH	Cù Duy	**Sinh**	11/03/1994	K18KTR2	7.1	7.2	6.6	**7.0**	K	Quảng Nam	
84	1821414081	0854QP/K18ĐH	Trần Vũ Tuấn	**Sinh**	08/01/1994	K18KTR3	5.8	5.6	7.0	**6.1**	TBK	Quảng Nam	
85	1821416661	0855QP/K18ĐH	Nguyễn Minh	**Tài**	21/03/1993	K18KTR2	6.8	5.6	6.6	**6.3**	TBK	Huế	
86	1821416014	0856QP/K18ĐH	Phan Trung	**Tân**	08/04/1994	K18KTR1	5.6	6.6	6.8	**6.3**	TBK	Quảng Bình	
87	1821414079	0857QP/K18ĐH	Huỳnh Chí	**Thắng**	07/11/1994	K18KTR1	6.1	6.3	6.3	**6.2**	TBK	Quảng Ngãi	
88	1821415653	0858QP/K18ĐH	Hoàng Công	**Thanh**	23/06/1991	K18KTR2	5.8	6.8	6.8	**6.5**	TBK	Quảng Bình	
89	1821413543	0859QP/K18ĐH	Lương Văn	**Thành**	28/10/1993	K18KTR3	6.1	6.3	7.2	**6.5**	TBK	Đà Nẵng	
90	1820415210	0860QP/K18ĐH	Huỳnh Kim Ý	**Thảo**	02/08/1994	K18KTR1	6.1	7.1	6.8	**6.7**	TBK	Đà Nẵng	
91	1821414774	0861QP/K18ĐH	Đỗ Từ	**Thiện**	28/08/1994	K18KTR2	6.8	7.3	7.2	**7.1**	K	Quảng Ngãi	
92	1821415648	0862QP/K18ĐH	Lưu Như	**Thịnh**	10/01/1994	K18KTR2	7.0	6.6	7.2	**6.9**	TBK	Quảng Nam	
93	1821415650	0863QP/K18ĐH	Trần Duy	**Thịnh**	03/09/1993	K18KTR3	6.8	6.5	7.0	**6.8**	TBK	Quảng Nam	
94	1821424147	0864QP/K18ĐH	Lương Xuân	**Tiến**	26/10/1994	K18KTR1	6.8	7.3	6.3	**6.8**	TBK	Đà Nẵng	
95	1821413536	0865QP/K18ĐH	Nguyễn Minh	**Trí**	31/10/1993	K18KTR2	5.6	6.1	6.5	**6.1**	TBK	Quảng Ngãi	
96	1821414075	0866QP/K18ĐH	Võ Thiện	**Trí**	17/05/1994	K18KTR3	6.1	6.1	7.2	**6.5**	TBK	Quảng Ngãi	
97	1821415196	0867QP/K18ĐH	Lê Văn	**Triều**	16/08/1994	K18KTR1	6.6	6.6	6.5	**6.6**	TBK	Quảng Bình	
98	1821414102	0868QP/K18ĐH	Văn Hữu	**Triều**	08/10/1993	K18KTR2	5.6	6.1	6.6	**6.1**	TBK	Quảng Nam	
99	1820415201	0869QP/K18ĐH	Mai Thị Tố	**Trinh**	17/08/1993	K18KTR3	5.6	6.0	6.8	**6.1**	TBK	Gia Lai	
100	1821415658	0870QP/K18ĐH	Nguyễn Hải	**Trọng**	26/01/1994	K18KTR1	5.6	6.6	6.2	**6.1**	TBK	Đà Nẵng	
101	1821414072	0871QP/K18ĐH	Trần Văn	**Trung**	23/10/1993	K18KTR2	6.5	7.0	6.6	**6.7**	TBK	Nam Định	
102	1821414095	0872QP/K18ĐH	Vũ Tuấn	**Trung**	14/12/1994	K18KTR3	6.3	5.6	6.9	**6.3**	TBK	Đà Nẵng	
103	1821413842	0873QP/K18ĐH	Dương Đình	**Tú**	20/06/1993	K18KTR2	6.8	7.0	7.0	**6.9**	TBK	Quảng Bình	
104	1821414090	0874QP/K18ĐH	Huỳnh Anh	**Tú**	25/05/1993	K18KTR3	6.3	6.3	7.2	**6.6**	TBK	Quảng Nam	
105	1821415218	0875QP/K18ĐH	Phan Thanh	**Tùng**	14/10/1993	K18KTR1	6.1	6.6	6.6	**6.4**	TBK	Nghệ An	

106	1821416203	0876QP/K18ĐH	Lê Tài	**Tùng**	11/02/1994	K18KTR3	5.3	5.6	6.9	**5.9**	TB	DakLak	
107	1820415221	0877QP/K18ĐH	Lê Thị Thủy	**Tuyên**	08/03/1994	K18KTR2	6.8	6.6	6.6	**6.7**	TBK	Bình Định	
108	1821415656	0878QP/K18ĐH	Nguyễn Minh	**Tuyến**	18/08/1990	K18KTR3	6.3	5.6	7.0	**6.3**	TBK	Khánh Hòa	
109	1821414769	0879QP/K18ĐH	Nguyễn Tấn	**Úc**	02/03/1993	K18KTR1	6.3	7.3	6.7	**6.8**	TBK	Bình Định	
110	1821414100	0880QP/K18ĐH	Nguyễn Quang	**Viễn**	09/08/1994	K18KTR2	6.1	6.3	6.8	**6.4**	TBK	Quảng Nam	
111	1821415206	0882QP/K18ĐH	Trần Quang Kim	**Vinh**	17/08/1994	K18KTR1	6.1	7.0	6.6	**6.6**	TBK	Đà Nẵng	
112	1821415199	0883QP/K18ĐH	Huỳnh Thanh	**Vũ**	20/07/1994	K18KTR2	6.6	6.6	6.6	**6.6**	TBK	Quảng Ngãi	
113	1821414086	0884QP/K18ĐH	Trần Đình Hoàng	**Vũ**	26/06/1994	K18KTR2	6.8	5.6	6.8	**6.4**	TBK	Quảng Nam	
114	1821415651	0885QP/K18ĐH	Lê Nguyên	**Vũ**	10/10/1992	K18KTR3	6.3	5.6	6.7	**6.2**	TBK	Quảng Trị	
115	1821413546	0886QP/K18ĐH	Trần Quang	**Vũ**	20/05/1994	K18KTR3	6.0	6.1	7.2	**6.4**	TBK	Quảng Nam	
116	1821415197	0887QP/K18ĐH	Trần Đình	**Vương**	28/04/1994	K18KTR1	6.6	6.6	6.7	**6.6**	TBK	Quảng Nam	
117	1821414085	0888QP/K18ĐH	Vũ Đinh Lu	**Y**	25/08/1993	K18KTR3	5.6	6.2	7.2	**6.3**	TBK	Đà Nẵng	

STT	MSSV	SVS	HỌ VÀ	TÊN	NG.SINH	LỚP	HP1	HP2	HP3	ĐTB	XL	N.SINH	G.CHÚ
1	1821123813	0889QP/K18ĐH	Đặng Duy	**Bảo**	12/05/1994	K18TPM	5.8	6.7	7.0	**6.5**	TBK	Đà Nẵng	
2	1821123502	0890QP/K18ĐH	Lê Quang	**Châu**	28/03/1993	K18TPM	6.0	6.5	6.5	**6.3**	TBK	Quảng Trị	
3	1821126282	0891QP/K18ĐH	Lê Văn	**Chuẩn**	02/01/1993	K18TPM	5.6	5.8	6.5	**6.0**	TBK	Quảng Bình	
4	1821125634	0892QP/K18ĐH	Dương Thành	**Công**	25/03/1993	K18TPM	5.8	6.8	6.5	**6.4**	TBK	Quảng Nam	
5	1821123986	0893QP/K18ĐH	Phan Hải	**Đăng**	27/05/1994	K18TPM	6.3	6.1	7.0	**6.5**	TBK	Đà Nẵng	
6	1821124710	0894QP/K18ĐH	Nguyễn Văn Thành	**Đạt**	09/04/1994	K18TPM	6.8	6.8	6.0	**6.5**	TBK	Quảng Ngãi	
7	1821125985	0895QP/K18ĐH	Trần Hoàng	**Giang**	20/05/1993	K18TPM	7.5	8.0	6.8	**7.4**	K	Quảng Bình	
8	1821125151	0896QP/K18ĐH	Nguyễn Văn	**Hải**	30/05/1994	K18TPM	5.8	6.3	7.0	**6.4**	TBK	Quảng Nam	
9	1821123817	0897QP/K18ĐH	Nguyễn Hoàng Khánh	**Hân**	24/04/1994	K18TPM	5.8	7.0	6.8	**6.5**	TBK	Đà Nẵng	
10	1821125824	0898QP/K18ĐH	Trương Đình Quốc	**Hảo**	11/03/1994	K18TPM	6.8	7.0	6.6	**6.8**	TBK	Đà Nẵng	
11	1821124717	0899QP/K18ĐH	Huỳnh Thanh	**Hiền**	14/07/1994	K18TPM	5.8	6.5	6.5	**6.3**	TBK	Đà Nẵng	
12	1821125823	0900QP/K18ĐH	Võ Phi	**Hòa**	02/08/1994	K18TPM	6.3	6.5	6.5	**6.4**	TBK	Quảng Bình	
13	1821124716	0901QP/K18ĐH	Phan Huy	**Hoàng**	26/05/1994	K18TPM	5.6	6.3	7.0	**6.3**	TBK	Quảng Trị	
14	1821143717	0902QP/K18ĐH	Trương Phi	**Hồng**	18/07/1994	K18TPM	5.6	6.8	6.5	**6.3**	TBK	Đà Nẵng	
15	1821124003	0903QP/K18ĐH	Diệp Thanh	**Hùng**	01/01/1994	K18TPM	5.8	7.1	6.3	**6.4**	TBK	Đà Nẵng	
16	1821146239	0904QP/K18ĐH	Võ Quốc	**Huy**	16/04/1994	K18TPM	6.5	6.6	6.5	**6.5**	TBK	Đà Nẵng	
17	1821124714	0905QP/K18ĐH	Đoàn Văn	**Kha**	01/08/1994	K18TPM	6.6	6.7	7.0	**6.8**	TBK	Quảng Nam	
18	1821125141	0906QP/K18ĐH	Lê Trọng	**Khiêm**	27/10/1994	K18TPM	5.6	7.1	6.5	**6.4**	TBK	Quảng Trị	
19	1821123982	0907QP/K18ĐH	Hồ Văn	**Linh**	03/11/1994	K18TPM	5.8	6.1	7.0	**6.3**	TBK	Quảng Nam	
20	1821125148	0908QP/K18ĐH	Nguyễn Văn	**Minh**	07/10/1994	K18TPM	6.6	6.1	7.0	**6.6**	TBK	Quảng Nam	
21	1821125150	0909QP/K18ĐH	Võ Hoàng	**Nhật**	21/05/1993	K18TPM	5.8	7.7	7.0	**6.8**	TBK	Quảng Bình	
22	1821125635	0910QP/K18ĐH	Phan Văn	**Như**	14/11/1994	K18TPM	6.3	6.3	7.0	**6.5**	TBK	Quảng Trị	
23	1821126194	0911QP/K18ĐH	Nguyễn Thế	**Pháp**	20/06/1994	K18TPM	7.0	6.3	7.0	**6.8**	TBK	Đak Nông	
24	1821125988	0912QP/K18ĐH	Trần Hồng	**Phúc**	11/09/1994	K18TPM	5.8	5.6	6.5	**6.0**	TBK	Đà Nẵng	
25	1821125986	0913QP/K18ĐH	Phan Đặng	**Quân**	30/09/1993	K18TPM	5.5	5.6	7.2	**6.1**	TBK	Đà Nẵng	
26	1821126281	0914QP/K18ĐH	Hồ Đắc	**Quang**	12/08/1994	K18TPM	5.3	6.5	6.5	**6.1**	TBK	Đà Nẵng	
27	1821123510	0915QP/K18ĐH	Dương Phú	**Quý**	26/02/1994	K18TPM	5.6	6.1	6.5	**6.1**	TBK	DakLak	
28	1820125143	0916QP/K18ĐH	Lê Thị	**Sao**	01/08/1994	K18TPM	6.0	6.1	6.7	**6.3**	TBK	Quảng Bình	
29	1821123509	0917QP/K18ĐH	Nguyễn Đình	**Tài**	16/01/1994	K18TPM	5.6	5.6	6.1	**5.8**	TB	Đà Nẵng	
30	1821123984	0918QP/K18ĐH	Trần Hoàng Minh	**Tân**	01/01/1992	K18TPM	5.6	6.0	7.0	**6.2**	TBK	Quảng Nam	
31	1821126709	0919QP/K18ĐH	Võ Văn	**Thành**	05/05/1994	K18TPM	6.3	6.5	6.5	**6.4**	TBK	Quảng Bình	
32	1821125140	0920QP/K18ĐH	Trần Văn	**Thiện**	24/12/1994	K18TPM	5.6	6.1	6.8	**6.2**	TBK	Quảng Nam	
33	1821125149	0921QP/K18ĐH	Hồ Ngọc	**Thống**	06/02/1994	K18TPM	6.1	7.2	7.0	**6.8**	TBK	Đà Nẵng	
34	1821124715	0922QP/K18ĐH	Lê Bá	**Thuần**	27/06/1994	K18TPM	6.8	7.2	6.8	**6.9**	TBK	Quảng Bình	
35	1820146587	0923QP/K18ĐH	Bùi Thị Thúy	**Tiên**	30/09/1993	K18TPM	5.6	6.3	6.5	**6.1**	TBK	Đà Nẵng	
36	1821434166	0924QP/K18ĐH	Lê Trọng	**Tín**	22/04/1993	K18TPM	6.1	6.5	7.0	**6.5**	TBK	Bình Định	
37	1821126283	0925QP/K18ĐH	Trương Bách	**Toàn**	13/06/1994	K18TPM	6.5	6.1	6.8	**6.5**	TBK	Đà Nẵng	
38	1821125145	0926QP/K18ĐH	Đặng Minh	**Trí**	22/02/1992	K18TPM	6.3	7.0	6.5	**6.6**	TBK	DakLak	
39	1821123814	0927QP/K18ĐH	Nguyễn Tiến	**Trung**	29/09/1993	K18TPM	6.1	6.6	6.5	**6.4**	TBK	Huế	
40	1821125147	0928QP/K18ĐH	Nguyễn Nhật	**Tuấn**	17/10/1994	K18TPM	5.8	6.7	7.0	**6.5**	TBK	Quảng Bình	
41	1821125142	0929QP/K18ĐH	Lê Văn	**Tùng**	05/12/1992	K18TPM	6.3	7.5	7.0	**6.9**	TBK	Quảng Bình	
42	1821123980	0930QP/K18ĐH	Nguyễn Đức	**Tùng**	08/06/1994	K18TPM	5.8	6.6	7.0	**6.5**	TBK	Đà Nẵng	
43	1821123983	0931QP/K18ĐH	Nguyễn Thế	**Viễn**	02/03/1994	K18TPM	7.0	6.8	7.2	**7.0**	K	Đà Nẵng	

STT	MSSV	SVS	HỌ VÀ	TÊN	NG.SINH	LỚP	HP1	HP2	HP3	ĐTB	XL	N.SINH	G.CHÚ
1	1820424146	0933QP/K18ĐH	Trần Hoàng	**Anh**	09/03/1994	K18KTN	6.3	6.8	6.7	**6.6**	TBK	Quảng Nam	
2	172237374	0934QP/K18ĐH	Nguyễn Cảnh	**Dinh**	24/02/1993	K18KTN	6.3	6.8	6.0	**6.4**	TBK	Quảng Bình	
3	1820424789	0935QP/K18ĐH	Lê Thị Hồng	**Dung**	06/01/1994	K18KTN	5.6	6.6	7.2	**6.5**	TBK	Đà Nẵng	
4	1821424145	0936QP/K18ĐH	Đặng Thế	**Duyệt**	23/03/1993	K18KTN	6.3	6.3	6.5	**6.4**	TBK	Nam Định	
5	1821425246	0937QP/K18ĐH	Trần Văn	**Giáp**	10/11/1993	K18KTN	5.8	6.1	6.7	**6.2**	TBK	Quảng Bình	
6	1821426024	0938QP/K18ĐH	Nguyễn Văn	**Hạnh**	04/05/1993	K18KTN	6.7	6.3	7.0	**6.7**	TBK	Ninh Bình	
7	1820425851	0939QP/K18ĐH	Trần Thị	**Hoài**	12/09/1994	K18KTN	6.6	6.7	6.7	**6.7**	TBK	Quảng Bình	
8	1821424790	0940QP/K18ĐH	Hà Phan Triệu	**Hoàng**	14/04/1993	K18KTN	6.0	6.8	6.5	**6.4**	TBK	Quảng Nam	
9	1821413556	0941QP/K18ĐH	Võ Đình	**Hùng**	05/10/1993	K18KTN	6.1	6.1	6.3	**6.2**	TBK	Quảng Nam	
10	1820425848	0942QP/K18ĐH	Lê Nguyễn Ái	**Mỹ**	19/03/1994	K18KTN	5.6	6.1	6.5	**6.1**	TBK	Quảng Nam	

11	1820424788	0943QP/K18ĐH	Châu Thị Bích	**Nga**	26/01/1994	K18KTN	5.6	6.8	6.5	**6.3**	TBK	Huế	
12	1821416293	0944QP/K18ĐH	Nguyễn Thanh	**Nhân**	25/11/1993	K18KTN	6.3	6.8	6.7	**6.6**	TBK	Quảng Nam	
13	1820426027	0945QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Cẩm	**Nhung**	10/05/1994	K18KTN	6.4	6.8	7.0	**6.7**	TBK	Hà Tĩnh	
14	1821425847	0946QP/K18ĐH	Trần Hữu	**Quốc**	11/02/1993	K18KTN	6.1	6.3	6.3	**6.2**	TBK	Quảng Nam	
15	1821425846	0947QP/K18ĐH	Nguyễn Tiến	**Sỹ**	29/12/1993	K18KTN	5.3	6.3	6.7	**6.1**	TBK	Quảng Nam	
16	1821425249	0948QP/K18ĐH	Hồ Đắc	**Tài**	29/03/1993	K18KTN	6.1	6.8	6.5	**6.5**	TBK	Đà Nẵng	
17	1820425849	0949QP/K18ĐH	Tạ Thị	**Thảo**	23/09/1994	K18KTN	6.5	6.6	7.0	**6.7**	TBK	Ninh Bình	
18	1821426026	0950QP/K18ĐH	Bùi Đức	**Trường**	15/11/1993	K18KTN	6.1	6.6	6.7	**6.5**	TBK	Quảng Nam	
19	1820425845	0951QP/K18ĐH	Võ Đăng	**Uyên**	30/07/1994	K18KTN	6.5	7.3	6.7	**6.8**	TBK	Bình Định	
20	1820424143	0952QP/K18ĐH	Phạm Bảo	**Uyên**	24/07/1994	K18KTN	5.6	6.6	6.5	**6.2**	TBK	Đà Nẵng	
21	1821424144	0953QP/K18ĐH	Nguyễn	**Vương**	01/04/1994	K18KTN	6.5	6.6	6.5	**6.5**	TBK	Quảng Nam	
22	1820426622	0954QP/K18ĐH	Võ Thị Kim	**Yến**	25/03/1993	K18KTN	6.1	6.1	6.3	**6.2**	TBK	Đà Nẵng	

STT	MSSV	SVS	HỌ VÀ	TÊN	NG.SINH	LỚP	HP1	HP2	HP3	ĐTB	XL	N.SINH	G.CHÚ
1	1821116189	0955QP/K18ĐH	Đinh Quốc	**Cường**	24/10/1994	K18TMT	6.1	6.7	7.2	**6.7**	TBK	Đà Nẵng	
2	1821115133	0956QP/K18ĐH	Hồ Thanh	**Đông**	16/11/1994	K18TMT	5.6	6.6	5.8	**6.0**	TBK	Quảng Nam	
3	1821115136	0957QP/K18ĐH	Phạm Ngọc Đức	**Duy**	08/10/1994	K18TMT	5.6	5.6	6.6	**5.9**	TB	Quảng Nam	
4	1821114701	0958QP/K18ĐH	Lê Duyên	**Hải**	06/04/1993	K18TMT	5.3	7.0	6.0	**6.1**	TBK	Quảng Trị	
5	1821113504	0959QP/K18ĐH	Võ Quốc	**Huy**	18/01/1994	K18TMT	5.6	6.8	6.0	**6.1**	TBK	Đà Nẵng	
6	1821125155	0960QP/K18ĐH	Hoàng Đại	**Linh**	23/02/1994	K18TMT	5.8	6.5	6.0	**6.1**	TBK	Quảng Bình	
7	1821113973	0961QP/K18ĐH	Lý Diên	**Mỹ**	30/10/1994	K18TMT	6.1	6.6	6.0	**6.2**	TBK	Quảng Nam	
8	172127596	0962QP/K18ĐH	Bùi Quốc	**Ngọc**	20/10/1993	K18TMT	6.3	6.5	6.5	**6.4**	TBK	Quảng Ngãi	
9	1821115821	0963QP/K18ĐH	Nguyễn Tấn	**Phát**	29/10/1994	K18TMT	5.6	5.8	6.6	**6.0**	TBK	Đà Nẵng	
10	1821115132	0964QP/K18ĐH	Lê Trọng	**Quân**	08/11/1994	K18TMT	5.6	6.3	7.0	**6.3**	TBK	Quảng Nam	
11	1821114700	0965QP/K18ĐH	Nguyễn Hữu	**Quang**	01/10/1994	K18TMT	6.1	6.6	7.0	**6.6**	TBK	Đà Nẵng	
12	1821116706	0966QP/K18ĐH	Đinh Duy	**Sơn**	03/06/1994	K18TMT	5.6	6.6	6.8	**6.3**	TBK	Quảng Nam	
13	1821116280	0967QP/K18ĐH	Hoàng Văn	**Sỹ**	20/09/1993	K18TMT	6.3	7.3	6.7	**6.8**	TBK	Quảng Bình	
14	1821116190	0968QP/K18ĐH	Hồ Thế	**Thiện**	12/12/1994	K18TMT	6.1	7.1	5.8	**6.3**	TBK	DakLak	
15	1821146636	0969QP/K18ĐH	Trương Hoàng	**Thương**	04/01/1993	K18TMT	5.6	6.8	6.5	**6.3**	TBK	Đà Nẵng	
16	1821434165	0970QP/K18ĐH	Lê Văn	**Tuấn**	20/09/1994	K18TMT	5.6	5.6	6.3	**5.8**	TB	Quảng Nam	
17	1821115820	0971QP/K18ĐH	Nguyễn Hữu	**Tuất**	21/12/1994	K18TMT	6.1	7.0	7.0	**6.7**	TBK	Quảng Bình	
18	1821113811	0972QP/K18ĐH	Võ Viết	**Tùng**	04/01/1994	K18TMT	6.1	7.1	7.2	**6.8**	TBK	Đà Nẵng	
19	1821115135	0973QP/K18ĐH	Phan Phạm Văn Khôi	**Vinh**	17/08/1994	K18TMT	6.8	6.5	6.7	**6.7**	TBK	Đà Nẵng	
20	1821143916	0974QP/K18ĐH	Trần Đình	**Vũ**	31/10/1994	K18TMT	5.6	6.8	6.8	**6.4**	TBK	Đà Nẵng	

STT	MSSV	SVS	HỌ VÀ	TÊN	NG.SINH	LỚP	HP1	HP2	HP3	ĐTB	XL	N.SINH	G.CHÚ
1	1821226518	0975QP/K18ĐH	Lê Thu Vân	**Anh**	15/05/1993	K18QTM1	6.8	6.2	6.5	**6.5**	TBK	Nghệ An	
2	1820226437	0976QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Minh	**Anh**	13/05/1994	K18QTM1	5.3	6.6	6.5	**6.1**	TBK	Đà Nẵng	
3	1820226310	0977QP/K18ĐH	Phạm Thị Ngọc	**Diệp**	19/04/1993	K18QTM1	6.1	6.3	6.5	**6.3**	TBK	Gia Lai	
4	1820225701	0978QP/K18ĐH	Trần Thị Thùy	**Dung**	19/06/1993	K18QTM1	5.3	6.1	6.0	**5.8**	TB	Đà Nẵng	
5	1820224265	0979QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Thu	**Huyền**	28/08/1994	K18QTM1	5.8	6.8	6.5	**6.4**	TBK	Đà Nẵng	
6	1821225334	0980QP/K18ĐH	Nguyễn Văn	**Lâm**	10/02/1994	K18QTM1	6.1	6.6	6.5	**6.4**	TBK	Đà Nẵng	
7	1820225702	0982QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Hà	**Linh**	24/01/1994	K18QTM1	5.3	6.7	6.5	**6.2**	TBK	Quảng Nam	
8	1821224268	0983QP/K18ĐH	Trần Công	**Minh**	24/03/1993	K18QTM1	6.6	6.6	6.8	**6.7**	TBK	Đà Nẵng	
9	1820226519	0984QP/K18ĐH	Lê Thị Họa	**My**	06/05/1994	K18QTM1	5.8	6.3	6.0	**6.0**	TBK	Đà Nẵng	
10	1820225700	0985QP/K18ĐH	Nguyễn Thị	**My**	12/05/1993	K18QTM1	6.9	7.5	7.0	**7.1**	K	Quảng Trị	
11	1820223629	0986QP/K18ĐH	Lê Thị	**Nga**	01/05/1994	K18QTM1	6.5	6.6	7.0	**6.7**	TBK	Quảng Nam	
12	1820224870	0987QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Kiều	**Ngân**	10/02/1993	K18QTM1	7.1	6.8	7.0	**7.0**	K	Nghệ An	
13	1820226582	0989QP/K18ĐH	Nguyễn Thiên Thạch	**Thảo**	04/07/1994	K18QTM1	5.8	6.3	6.5	**6.2**	TBK	Đà Nẵng	
14	1821224266	0990QP/K18ĐH	Đặng Hưng	**Thịnh**	01/01/1993	K18QTM1	5.0	6.8	6.5	**6.1**	TBK	Đà Nẵng	
15	1821224263	0991QP/K18ĐH	Nguyễn Văn	**Thoại**	26/02/1991	K18QTM1	6.1	6.1	6.5	**6.2**	TBK	Quảng Trị	
16	1820225336	0992QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Bích	**Thoảng**	12/04/1994	K18QTM1	5.8	6.6	7.0	**6.5**	TBK	Quảng Nam	
17	1821224267	0994QP/K18ĐH	Trần Quốc	**Toàn**	20/11/1994	K18QTM1	6.2	7.3	6.5	**6.7**	TBK	Đà Nẵng	
18	1820224262	0995QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Hoài	**Trang**	05/09/1994	K18QTM1	6.8	8.0	7.2	**7.3**	K	Quảng Bình	
19	1820224872	0996QP/K18ĐH	Phạm Thị Ái	**Vy**	07/06/1994	K18QTM1	7.0	8.0	7.0	**7.3**	K	Đà Nẵng	

STT	MSSV	SVS	HỌ VÀ	TÊN	NG.SINH	LỚP	HP1	HP2	HP3	ĐTB	XL	N.SINH	G.CHÚ
1	1820216307	0997QP/K18ĐH	Võ Thị	**Anh**	25/05/1994	K18QTH1	6.0	7.5	6.7	**6.7**	TBK	Quảng Bình	
2	1820215869	0998QP/K18ĐH	Bùi Thị Kim	**Anh**	09/09/1994	K18QTH1	5.6	7.3	7.2	**6.7**	TBK	DakLak	
3	1820216219	0999QP/K18ĐH	Thái Thị Chiêu	**Anh**	27/05/1994	K18QTH2	5.5	6.0	7.0	**6.2**	TBK	Đà Nẵng	
4	1820215315	01000QP/K18ĐH	Hồ Diệu Vy	**Anh**	25/01/1994	K18QTH2	5.5	6.3	7.2	**6.3**	TBK	Hồ Chí Minh	
5	1821215694	01001QP/K18ĐH	Chúc Văn	**Ba**	26/11/1993	K18QTH2	6.3	5.6	7.0	**6.3**	TBK	Hà Nội	
6	1821214855	01002QP/K18ĐH	Phan Thanh	**Bảo**	10/04/1994	K18QTH1	5.8	6.1	7.0	**6.3**	TBK	Quảng Trị	
7	1821214850	01003QP/K18ĐH	Bùi Quang	**Chung**	21/01/1994	K18QTH1	5.8	5.6	6.0	**5.8**	TB	Quảng Bình	
8	1821214851	01004QP/K18ĐH	Nguyễn Đình	**Danh**	17/05/1993	K18QTH2	7.0	5.6	6.5	**6.4**	TBK	Đà Nẵng	
9	1821214212	01005QP/K18ĐH	Đặng Văn	**Đồng**	09/02/1994	K18QTH1	5.8	7.0	6.5	**6.4**	TBK	Hà Tĩnh	
10	1820216434	01006QP/K18ĐH	Huỳnh Thị Kiều	**Dung**	07/06/1993	K18QTH1	7.0	7.2	7.2	**7.1**	K	Đà Nẵng	
11	1820214222	01007QP/K18ĐH	Trà Thị	**Dung**	06/07/1994	K18QTH1	5.8	7.7	7.2	**6.9**	TBK	Quảng Nam	

12	1821214854	01008QP/K18ĐH	Nguyễn Đỗ Phương	**Dung**	29/10/1993	K18QTH2	6.2	6.3	7.0	**6.5**	TBK	Đà Nẵng	
13	1820214844	01009QP/K18ĐH	Đặng Thị Thùy	**Dương**	01/06/1994	K18QTH1	6.8	6.3	7.0	**6.7**	TBK	DakLak	
14	1820216053	01010QP/K18ĐH	Nguyễn Thị	**Giang**	08/02/1994	K18QTH1	5.8	6.6	6.3	**6.2**	TBK	Nghệ An	
15	1821214848	01011QP/K18ĐH	Nguyễn Thanh	**Giang**	14/10/1993	K18QTH2	5.3	5.8	6.5	**5.9**	TB	Quảng Trị	
16	1821216048	01012QP/K18ĐH	Hoàng Đức	**Giáp**	20/04/1994	K18QTH2	6.8	6.0	6.5	**6.4**	TBK	Quảng Trị	
17	1820214231	01013QP/K18ĐH	Trần Thị Cẩm	**Hải**	24/05/1993	K18QTH1	5.8	6.1	7.0	**6.3**	TBK	Đà Nẵng	
18	1820214846	01014QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Thúy	**Hằng**	04/01/1994	K18QTH2	6.7	6.0	6.5	**6.4**	TBK	Quảng Ngãi	
19	1821214849	01015QP/K18ĐH	Hồ Quốc	**Hiếu**	02/03/1992	K18QTH1	5.6	7.7	7.0	**6.8**	TBK	Quảng Nam	
20	1821215868	01016QP/K18ĐH	Trần Xuân	**Hiếu**	15/02/1994	K18QTH2	5.8	5.6	6.5	**6.0**	TBK	Quảng Nam	
21	1820215320	01017QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Thanh	**Hoa**	03/08/1994	K18QTH1	5.8	6.6	7.0	**6.5**	TBK	Quảng Nam	
22	1821216052	01018QP/K18ĐH	Trần Vũ	**Hoàn**	22/09/1993	K18QTH2	5.8	6.0	6.7	**6.2**	TBK	Đà Nẵng	
23	172339034	01019QP/K18ĐH	Hồ Văn	**Hùng**	22/05/1993	K18QTH2	6.3	6.8	6.8	**6.6**	TBK	Huế	
24	1820214842	01020QP/K18ĐH	Nguyễn Thị	**Hương**	19/06/1994	K18QTH1	5.8	7.5	7.0	**6.8**	TBK	Quảng Ngãi	
25	1821216217	01021QP/K18ĐH	Đặng Quốc	**Huy**	24/04/1994	K18QTH2	6.8	7.2	7.0	**7.0**	K	Quảng Nam	
26	1821215307	01022QP/K18ĐH	Trần Duy	**Khánh**	21/04/1993	K18QTH2	5.8	5.6	6.5	**6.0**	TBK	DakLak	
27	1821216516	01023QP/K18ĐH	Nguyễn Quốc Tuấn	**Kiệt**	13/04/1993	K18QTH1	6.1	6.7	6.5	**6.4**	TBK	Đà Nẵng	
28	1821214233	01024QP/K18ĐH	Mai Anh Tuấn	**Kiệt**	29/05/1994	K18QTH2	6.1	5.8	7.0	**6.3**	TBK	Đà Nẵng	
29	1821214232	01025QP/K18ĐH	Trịnh Vũ	**Lân**	07/12/1994	K18QTH1	5.8	6.8	7.0	**6.5**	TBK	Đà Nẵng	
30	1820144971	01026QP/K18ĐH	Hoàng Thị Thu	**Lành**	12/11/1994	K18QTH2	5.6	6.5	6.5	**6.2**	TBK	Quảng Bình	
31	1820215870	01027QP/K18ĐH	Lê Thị Kim	**Lên**	09/06/1994	K18QTH2	5.6	6.1	7.0	**6.2**	TBK	Quảng Nam	
32	1820215872	01028QP/K18ĐH	Võ Thị Hồng	**Loan**	20/01/1994	K18QTH2	6.5	6.8	7.0	**6.8**	TBK	Quảng Nam	
33	1820215318	01029QP/K18ĐH	Hoàng Thị	**Lộc**	06/02/1994	K18QTH1	6.3	6.6	7.0	**6.6**	TBK	Huế	
34	1821214226	01030QP/K18ĐH	Phạm Hoàng	**Mãnh**	16/04/1994	K18QTH2	6.0	6.2	7.0	**6.4**	TBK	Đà Nẵng	
35	1821213874	01031QP/K18ĐH	Phan Minh	**Minh**	31/12/1994	K18QTH1	5.6	6.8	7.0	**6.5**	TBK	Đà Nẵng	
36	1820216054	01032QP/K18ĐH	Ngô Thị Thúy	**Nga**	03/10/1993	K18QTH2	5.7	5.3	7.0	**6.0**	TBK	Đà Nẵng	
37	1820216627	01033QP/K18ĐH	Trần Thị Nguyệt	**Ngân**	02/04/1994	K18QTH1	6.3	7.0	7.0	**6.8**	TBK	Gia Lai	
38	1821213614	01034QP/K18ĐH	Nguyễn Lập	**Nghiệp**	12/01/1994	K18QTH1	5.6	7.3	6.8	**6.6**	TBK	Quảng Nam	
39	1820215693	01035QP/K18ĐH	Nguyễn Thị	**Nhài**	03/04/1994	K18QTH1	6.8	7.5	6.7	**7.0**	K	DakLak	
40	1821214241	01036QP/K18ĐH	Nguyễn Ngọc Quốc	**Nhật**	10/05/1994	K18QTH2	5.6	5.6	7.0	**6.1**	TBK	Đà Nẵng	
41	1820216515	01037QP/K18ĐH	Lưu Thị Yến	**Nhi**	10/07/1994	K18QTH1	5.8	5.6	7.0	**6.1**	TBK	Quảng Nam	
42	1820213875	01038QP/K18ĐH	Trần Thị	**Nhi**	16/12/1994	K18QTH2	6.5	6.8	7.2	**6.8**	TBK	Quảng Nam	
43	1820216055	01039QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Ý	**Như**	26/08/1994	K18QTH1	6.3	6.8	7.2	**6.8**	TBK	Quảng Trị	
44	1821215310	01040QP/K18ĐH	Trần	**Nhuộng**	29/05/1992	K18QTH2	7.5	7.2	6.3	**7.0**	K	Quảng Nam	
45	1820224264	01041QP/K18ĐH	Hồ Thanh Kiều	**Oanh**	16/04/1994	K18QTH2	5.5	5.8	7.0	**6.1**	TBK	Đà Nẵng	
46	1821216051	01042QP/K18ĐH	Lê Văn	**Phong**	23/11/1994	K18QTH1	5.6	6.0	7.0	**6.2**	TBK	Quảng Nam	
47	1821216049	01043QP/K18ĐH	Lê Tấn	**Phúc**	12/06/1994	K18QTH1	5.8	7.1	7.0	**6.6**	TBK	Quảng Nam	
48	1820216435	01044QP/K18ĐH	Trần Thị	**Phúc**	21/09/1993	K18QTH2	6.3	6.8	6.0	**6.4**	TBK	Đà Nẵng	
49	172336861	01045QP/K18ĐH	Trần Văn	**Phước**	10/05/1993	K18QTH2	7.0	6.3	6.5	**6.6**	TBK	Huế	
50	1820214238	01046QP/K18ĐH	Nguyễn Hoài	**Phương**	09/11/1994	K18QTH1	6.6	6.8	6.8	**6.7**	TBK	Quảng Nam	
51	1821216308	01047QP/K18ĐH	Nguyễn Duy	**Phương**	16/08/1993	K18QTH2	6.6	6.6	7.0	**6.7**	TBK	Kon Tum	
52	1821214220	01048QP/K18ĐH	Nguyễn Trọng	**Quý**	08/11/1993	K18QTH1	6.1	6.6	7.0	**6.6**	TBK	Quảng Nam	
53	1821214215	01049QP/K18ĐH	Trương Công	**Quý**	12/01/1994	K18QTH2	6.3	7.0	7.0	**6.8**	TBK	Quảng Ngãi	
54	1820214219	01050QP/K18ĐH	Lê Nữ Lệ	**Quyên**	26/01/1994	K18QTH1	6.3	7.2	6.5	**6.7**	TBK	Quảng Bình	
55	1820215313	01051QP/K18ĐH	Trương Thị Như	**Quỳnh**	11/11/1993	K18QTH2	5.8	6.5	7.0	**6.4**	TBK	Quảng Nam	
56	1821216581	01052QP/K18ĐH	Nguyễn Hữu	**Song**	20/12/1994	K18QTH1	5.8	7.0	6.5	**6.4**	TBK	Đà Nẵng	
57	1820214225	01053QP/K18ĐH	Nguyễn Đỗ Thảo	**Tâm**	12/10/1994	K18QTH1	5.5	6.8	7.0	**6.4**	TBK	Đà Nẵng	
58	1821213615	01054QP/K18ĐH	Trần Ngọc	**Tân**	05/10/1994	K18QTH1	5.8	5.6	7.0	**6.1**	TBK	Quảng Nam	
59	1821213613	01055QP/K18ĐH	Huỳnh Văn	**Tân**	21/03/1994	K18QTH2	5.8	6.7	7.0	**6.5**	TBK	Đà Nẵng	
60	1821214843	01056QP/K18ĐH	Lê Ngọc	**Thạch**	16/10/1994	K18QTH2	6.0	5.8	7.0	**6.3**	TBK	Hà Tĩnh	
61	1821215871	01057QP/K18ĐH	Hoàng Đình	**Thắng**	23/12/1993	K18QTH1	6.1	6.6	6.5	**6.4**	TBK	Quảng Bình	
62	1820215305	01059QP/K18ĐH	Văn Thị Thanh	**Thảo**	25/11/1994	K18QTH1	5.8	7.0	6.9	**6.6**	TBK	Đà Nẵng	
63	1820214214	01060QP/K18ĐH	Trần Thị Phương	**Thảo**	01/07/1994	K18QTH2	6.1	6.3	7.5	**6.6**	TBK	Quảng Nam	
64	1821214224	01061QP/K18ĐH	Nguyễn Hữu	**Thịnh**	18/08/1994	K18QTH2	5.5	5.8	7.0	**6.1**	TBK	Đà Nẵng	
65	1820215304	01062QP/K18ĐH	Bùi Thị	**Thủy**	11/09/1994	K18QTH1	5.6	7.1	6.5	**6.4**	TBK	Phú Yên	
66	1820215309	01063QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Xuân	**Thy**	07/11/1994	K18QTH2	5.8	6.3	7.0	**6.4**	TBK	Gia Lai	
67	1821214221	01064QP/K18ĐH	Phan Hữu	**Tiến**	02/09/1994	K18QTH1	6.3	6.6	7.0	**6.6**	TBK	Quảng Nam	
68	1821214847	01065QP/K18ĐH	Trần Thế	**Tôn**	12/01/1994	K18QTH1	5.8	6.6	7.0	**6.5**	TBK	Quảng Trị	
69	1820215692	01066QP/K18ĐH	Lê Thị Ngọc	**Trâm**	21/12/1993	K18QTH2	6.3	6.0	7.0	**6.4**	TBK	Đà Nẵng	
70	1820215314	01067QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Huyền	**Trang**	03/09/1994	K18QTH1	6.8	7.0	6.3	**6.7**	TBK	Thanh Hóa	
71	1820216626	01068QP/K18ĐH	Mai Thị Kiều	**Trang**	14/10/1994	K18QTH2	6.5	6.8	7.0	**6.8**	TBK	Quảng Trị	
72	1820213616	01069QP/K18ĐH	Trần Thị Thùy	**Trang**	25/11/1994	K18QTH2	6.8	6.0	7.0	**6.6**	TBK	Đà Nẵng	
73	1820215695	01070QP/K18ĐH	Hồ Thị Linh	**Tri**	07/05/1994	K18QTH1	6.3	7.2	6.5	**6.7**	TBK	Quảng Trị	
74	1821215322	01071QP/K18ĐH	Đỗ Huỳnh	**Trí**	05/02/1993	K18QTH2	5.8	6.6	7.5	**6.6**	TBK	Quảng Nam	
75	1820214223	01072QP/K18ĐH	Hà Thị Tuyết	**Trinh**	20/04/1994	K18QTH2	5.8	5.8	6.9	**6.2**	TBK	Quảng Nam	
76	1821214234	01073QP/K18ĐH	Nguyễn Đình Cao	**Trọng**	12/11/1994	K18QTH1	5.6	6.1	7.5	**6.4**	TBK	Đà Nẵng	
77	1821213877	01074QP/K18ĐH	Phạm Duy	**Trung**	18/12/1994	K18QTH1	6.0	6.0	6.3	**6.1**	TBK	Đà Nẵng	
78	1821216058	01075QP/K18ĐH	Đỗ Phương	**Tuấn**	02/12/1993	K18QTH1	5.8	5.6	6.6	**6.0**	TBK	Quảng Nam	
79	172336879	01076QP/K18ĐH	Nguyễn Văn Phước	**Tường**	01/01/1993	K18QTH2	6.8	6.1	7.5	**6.8**	TBK	Hà Nội	
80	1820214242	01077QP/K18ĐH	Cai Thái Hoàng	**Uyên**	07/09/1994	K18QTH1	7.0	7.1	6.7	**6.9**	TBK	Đà Nẵng	
81	1820214853	01078QP/K18ĐH	Mai Thị Xuân	**Vi**	22/08/1993	K18QTH2	6.8	6.7	7.0	**6.8**	TBK	Đà Nẵng	
82	1821213876	01079QP/K18ĐH	Nguyễn Văn	**Vũ**	10/05/1993	K18QTH1	6.3	6.1	6.8	**6.4**	TBK	Quảng Nam	
83	1820215317	01080QP/K18ĐH	Ngô Thị Minh	**Xuân**	02/04/1994	K18QTH2	5.8	7.0	7.0	**6.6**	TBK	DakLak	
84	1820266231	0988QP/K18ĐH	Đoàn Thị Ni	**Ni**	25/08/1994	K18QTM1	6.1	7.0	6.2	**6.4**	TBK	Huế	

STT	MSSV	SVS	HỌ VÀ	TÊN	NG.SINH	LỚP	HP1	HP2	HP3	ĐTB	XL	N.SINH	G.CHÚ
1	1820233636	01081QP/K18ĐH	Nguyễn Trần Kiều	**An**	12/09/1994	K18QTC1	6.5	6.7	6.5	**6.6**	TBK	Đà Nẵng	
2	1820234887	01082QP/K18ĐH	Lê Ngọc	**Anh**	20/02/1994	K18QTC1	6.8	7.1	7.0	**7.0**	K	Quảng Trị	
3	1821235338	01083QP/K18ĐH	Nguyễn Mạnh	**Cường**	03/03/1994	K18QTC1	6.0	5.6	6.5	**6.0**	TBK	Gia Lai	
4	1821233633	01084QP/K18ĐH	Trương Quốc	**Cường**	30/10/1993	K18QTC1	6.3	6.8	6.5	**6.5**	TBK	Đà Nẵng	
5	1820236315	01085QP/K18ĐH	Lê Thị Bích	**Đào**	01/01/1994	K18QTC1	7.0	7.2	7.2	**7.1**	K	Quảng Nam	
6	1820234274	01086QP/K18ĐH	Lê Thị Thu	**Duyên**	24/10/1994	K18QTC1	6.3	7.0	7.2	**6.8**	TBK	Quảng Nam	
7	1820234275	01087QP/K18ĐH	Phạm Thị Cẩm	**Giang**	19/03/1993	K18QTC1	5.7	6.1	7.2	**6.3**	TBK	Quảng Nam	
8	1821234278	01088QP/K18ĐH	Nguyễn Như	**Hà**	10/02/1993	K18QTC1	6.8	7.2	7.0	**7.0**	K	Đà Nẵng	
9	1820234885	01089QP/K18ĐH	Lê Thị Yên	**Hà**	01/06/1994	K18QTC1	6.8	6.0	7.2	**6.7**	TBK	Quảng Nam	
10	1820234879	01090QP/K18ĐH	Huỳnh Thị Hồng	**Hạnh**	31/08/1994	K18QTC1	6.6	6.4	6.8	**6.6**	TBK	DakLak	
11	1820234272	01091QP/K18ĐH	Đoàn Thị Lệ	**Hiền**	06/12/1994	K18QTC1	6.3	6.1	7.5	**6.6**	TBK	Đà Nẵng	
12	1821234282	01092QP/K18ĐH	Nguyễn Minh	**Hoàng**	24/07/1994	K18QTC1	6.3	6.3	7.0	**6.5**	TBK	Đà Nẵng	
13	1821234270	01093QP/K18ĐH	Lê Văn	**Hưng**	22/07/1993	K18QTC1	7.3	7.0	7.0	**7.1**	K	Đà Nẵng	
14	1820236665	01094QP/K18ĐH	Phùng Diệu	**Huyền**	10/01/1993	K18QTC1	6.3	5.6	6.7	**6.2**	TBK	Đà Nẵng	
15	1820236439	01095QP/K18ĐH	Đoàn Trịnh Thu	**Huyền**	05/05/1994	K18QTC1	6.0	6.5	6.9	**6.5**	TBK	Đà Nẵng	
16	1820235878	01096QP/K18ĐH	Phan Thị Diễm	**Lam**	23/11/1994	K18QTC1	5.7	6.0	7.2	**6.3**	TBK	Quảng Nam	
17	1820236062	01097QP/K18ĐH	Võ Lê Mỹ	**Linh**	19/05/1994	K18QTC1	7.0	6.9	6.7	**6.9**	TBK	Quảng Trị	
18	1820234281	01098QP/K18ĐH	Phan Thùy	**Linh**	03/05/1994	K18QTC1	6.0	6.6	7.0	**6.5**	TBK	Hà Tĩnh	
19	1820233640	01099QP/K18ĐH	Đoàn Thùy	**Linh**	25/11/1994	K18QTC1	7.0	6.5	7.0	**6.8**	TBK	Quảng Nam	
20	1821233632	01100QP/K18ĐH	Đoàn Thanh	**Long**	27/10/1993	K18QTC1	7.5	6.8	7.0	**7.1**	K	Quảng Nam	
21	1820233639	01101QP/K18ĐH	Nguyễn Thị	**Ly**	24/07/1994	K18QTC1	7.0	6.7	7.0	**6.9**	TBK	Đà Nẵng	
22	1820234279	01103QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Phương	**Mai**	02/11/1994	K18QTC1	6.5	6.7	7.0	**6.7**	TBK	Đà Nẵng	
23	1820234276	01104QP/K18ĐH	Trần Thị Ni	**Na**	03/01/1994	K18QTC1	6.0	6.1	7.2	**6.4**	TBK	Quảng Nam	
24	1820234271	01105QP/K18ĐH	Ngô Thị Tuyết	**Na**	01/05/1993	K18QTC1	5.5	7.2	7.2	**6.6**	TBK	Đà Nẵng	
25	172338230	01106QP/K18ĐH	Trương Mỹ	**Nga**	30/08/1993	K18QTC1	5.8	6.5	7.0	**6.4**	TBK	Quảng Bình	
26	1820235703	01107QP/K18ĐH	Nguyễn Bích	**Ngọc**	08/06/1994	K18QTC1	6.2	7.7	7.2	**7.0**	K	Quảng Bình	
27	1820234277	01108QP/K18ĐH	Trần Thị Bích	**Ngọc**	28/10/1994	K18QTC1	6.7	6.5	7.2	**6.8**	TBK	Quảng Nam	
28	1821244301	01109QP/K18ĐH	Đỗ Văn	**Nhất**	05/02/1994	K18QTC1	7.3	6.6	6.5	**6.8**	TBK	Kon Tum	
29	1820234875	01110QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Thu	**Nhi**	30/12/1994	K18QTC1	7.0	7.0	7.2	**7.1**	K	Đà Nẵng	
30	1820234273	01111QP/K18ĐH	Huỳnh Thị Yến	**Nhi**	01/07/1993	K18QTC1	6.3	6.0	7.5	**6.6**	TBK	Quảng Nam	
31	1820236666	01112QP/K18ĐH	Đặng Trần Anh	**Như**	13/07/1993	K18QTC1	5.3	6.0	7.0	**6.1**	TBK	Đà Nẵng	
32	1820234881	01113QP/K18ĐH	Nguyễn Thị	**Ny**	08/11/1994	K18QTC1	5.8	6.2	7.0	**6.3**	TBK	Quảng Bình	
33	1820236440	01114QP/K18ĐH	Lê Thị Minh	**Phương**	08/12/1994	K18QTC1	6.8	6.4	6.7	**6.6**	TBK	Quảng Nam	
34	1820234874	01115QP/K18ĐH	Phan Mỹ	**Phương**	19/05/1994	K18QTC1	6.8	7.5	7.2	**7.2**	K	Đà Nẵng	
35	1821234280	01116QP/K18ĐH	Nguyễn Tấn	**Sỹ**	13/04/1994	K18QTC1	6.1	6.0	7.2	**6.4**	TBK	Quảng Nam	
36	1820235342	01117QP/K18ĐH	Lê Phạm Anh	**Tâm**	15/03/1994	K18QTC1	7.0	7.0	7.2	**7.1**	K	Quảng Nam	
37	1820235340	01118QP/K18ĐH	Nguyễn Lê Thị Thanh	**Tâm**	14/09/1994	K18QTC1	6.3	6.6	7.2	**6.7**	TBK	Huế	
38	1820234884	01119QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Băng	**Tâm**	13/10/1993	K18QTC1	6.1	6.0	6.5	**6.2**	TBK	Quảng Trị	
39	1821235344	01120QP/K18ĐH	Đặng Văn	**Thái**	26/07/1994	K18QTC1	6.7	6.4	7.5	**6.9**	TBK	Quảng Nam	
40	1821236313	01121QP/K18ĐH	Nguyễn Đại	**Thắng**	04/03/1993	K18QTC1	5.5	6.7	6.7	**6.3**	TBK	Đà Nẵng	
41	1821233631	01122QP/K18ĐH	Từ Văn	**Thức**	18/09/1993	K18QTC1	7.3	7.5	7.0	**7.3**	K	Đà Nẵng	
42	1820234269	01123QP/K18ĐH	Trần Thị Ngọc	**Thủy**	09/11/1994	K18QTC1	6.5	5.6	7.0	**6.4**	TBK	Quảng Nam	
43	1820234283	01124QP/K18ĐH	Trần Thị Ngọc	**Trâm**	01/01/1993	K18QTC1	6.3	6.0	7.2	**6.5**	TBK	Đà Nẵng	
44	1820234882	01125QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Bảo	**Trang**	06/12/1994	K18QTC1	7.0	6.6	7.2	**6.9**	TBK	Đà Nẵng	
45	1820233638	01126QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Thùy	**Trang**	12/11/1994	K18QTC1	5.5	6.0	7.0	**6.2**	TBK	Đà Nẵng	
46	172528666	01127QP/K18ĐH	Lưu Thị Huyền	**Trang**	20/11/1993	K18QTC1	6.3	6.2	7.0	**6.5**	TBK	Thanh Hóa	
47	1821235877	01128QP/K18ĐH	Lê Tuyển	**Trịnh**	03/07/1994	K18QTC1	7.0	6.5	7.0	**6.8**	TBK	Quảng Nam	
48	1820236311	01129QP/K18ĐH	Nguyễn Thanh	**Trúc**	01/09/1994	K18QTC1	6.3	7.2	7.0	**6.8**	TBK	Phú Yên	
49	1821234883	01130QP/K18ĐH	Nguyễn Xa Hiền	**Tường**	12/06/1992	K18QTC1	7.3	6.3	7.0	**6.9**	TBK	Quảng Nam	
50	1820234873	01131QP/K18ĐH	Lê Thị Ánh	**Tuyết**	12/12/1994	K18QTC1	6.3	7.2	7.0	**6.8**	TBK	Quảng Nam	
51	1820235876	01132QP/K18ĐH	Nguyễn Ngọc	**Uyên**	12/07/1994	K18QTC1	6.3	6.3	7.0	**6.5**	TBK	Đà Nẵng	
52	1820235341	01133QP/K18ĐH	Ngô Thị Hồng	**Vân**	11/05/1994	K18QTC1	7.0	6.5	7.0	**6.8**	TBK	Quảng Nam	
53	1821265727	01134QP/K18ĐH	Võ Nguyên	**Vũ**	24/02/1994	K18QTC1	5.5	5.8	7.0	**6.1**	TBK	Đà Nẵng	
54	1820233630	01135QP/K18ĐH	Nguyễn Cửu Thảo	**Vy**	01/10/1994	K18QTC1	6.8	7.0	7.2	**7.0**	K	Đà Nẵng	
55	1821236312	01136QP/K18ĐH	Lương Hoàng	**Xuân**	28/01/1993	K18QTC1	6.1	6.3	7.0	**6.5**	TBK	Đà Nẵng	
56	1820236316	01137QP/K18ĐH	Ngô Thị	**Xuân**	12/04/1994	K18QTC1	5.7	6.0	7.0	**6.2**	TBK	Quảng Nam	
57	1820234880	01138QP/K18ĐH	Đặng Thị Hoàng	**Yến**	15/09/1994	K18QTC1	6.3	5.6	7.0	**6.3**	TBK	DakLak	

STT	MSSV	SVS	HỌ VÀ	TÊN	NG.SINH	LỚP	HP1	HP2	HP3	ĐTB	XL	N.SINH	G.CHÚ
1	1821244286	0QP/K18ĐH	Ngô Hữu Khánh	**An**	25/03/1994	K18QNH1	5.8	5.6	6.5	**6.0**	TBK	Đà Nẵng	
2	1820246065	0QP/K18ĐH	Vũ Bùi Thanh	**An**	08/12/1994	K18QNH1	6.3	6.1	6.2	**6.2**	TBK	Đak Nông	
3	1820243887	0QP/K18ĐH	Tạ Thị Ngọc	**Ánh**	25/04/1994	K18QNH1	5.6	5.8	6.5	**6.0**	TBK	Quảng Nam	
4	1820246066	0QP/K18ĐH	Trần Thị Ngọc	**Bích**	26/07/1994	K18QNH1	6.8	7.0	7.2	**7.0**	K	Bình Định	
5	1821244296	0QP/K18ĐH	Bùi Văn	**Bôn**	24/02/1994	K18QNH1	5.3	6.0	6.2	**5.8**	TB	Quảng Nam	
6	1821245705	0QP/K18ĐH	Hồ Thắng	**Đại**	21/02/1993	K18QNH1	6.0	6.1	7.2	**6.4**	TBK	Đà Nẵng	
7	1820245351	0QP/K18ĐH	Bùi Phạm Hoàng	**Dung**	26/08/1994	K18QNH1	5.8	5.8	6.5	**6.0**	TBK	Quảng Nam	
8	1821245349	0QP/K18ĐH	Đỗ Hoàng	**Dương**	07/07/1994	K18QNH1	5.6	6.8	6.3	**6.2**	TBK	Kon Tum	

9	1820246629	0QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Hồng	**Duyên**	02/02/1994	K18QNH1	6.5	6.5	6.7	**6.6**	TBK	Quảng Nam	
10	1820245347	0QP/K18ĐH	Đinh Thị Mỹ	**Duyên**	28/09/1994	K18QNH1	6.8	6.8	7.2	**6.9**	TBK	Quảng Nam	
11	1820244893	0QP/K18ĐH	Võ Thị Hương	**Giang**	07/11/1994	K18QNH1	5.8	6.6	7.5	**6.6**	TBK	Quảng Bình	
12	1820246690	0QP/K18ĐH	Hứa Thị Hồng	**Hà**	17/12/1994	K18QNH1	5.8	6.3	6.9	**6.3**	TBK	Quảng Nam	
13	1821244299	0QP/K18ĐH	Lê Văn	**Hào**	26/12/1994	K18QNH1	5.8	5.6	6.5	**6.0**	TBK	Quảng Bình	
14	1820243888	0QP/K18ĐH	Phạm Thị	**Huê**	16/05/1994	K18QNH1	5.8	6.1	6.5	**6.1**	TBK	Ninh Bình	
15	1820243642	0QP/K18ĐH	Trương Thị Thanh	**Huệ**	20/02/1993	K18QNH1	5.8	5.6	6.2	**5.9**	TB	Quảng Bình	
16	1821245348	0QP/K18ĐH	Trần Duy	**Hưởng**	24/03/1994	K18QNH1	5.6	6.6	6.3	**6.2**	TBK	Quảng Trị	
17	1820244292	0QP/K18ĐH	Võ Thị Ly	**Kha**	13/05/1994	K18QNH1	6.3	6.5	7.2	**6.7**	TBK	Quảng Nam	
18	1820244285	0QP/K18ĐH	Hà Nguyễn Bảo	**Khanh**	11/03/1994	K18QNH1	7.0	6.6	6.7	**6.8**	TBK	Đà Nẵng	
19	1820244291	0QP/K18ĐH	Võ Thị	**Lịch**	10/10/1990	K18QNH1	5.6	7.5	6.5	**6.5**	TBK	Quảng Ngãi	
20	1820246630	0QP/K18ĐH	Ngô Thị Như	**Linh**	27/09/1994	K18QNH1	6.7	6.0	6.7	**6.5**	TBK	Quảng Nam	
21	1820244297	0QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Mỹ	**Linh**	05/08/1994	K18QNH1	7.5	7.0	7.2	**7.2**	K	DakLak	
22	1820246442	0QP/K18ĐH	Lê Thị Thanh	**Loan**	16/06/1993	K18QNH1	7.0	7.7	7.2	**7.3**	K	Quảng Bình	
23	1820243641	0QP/K18ĐH	Quách Tú	**Mẫn**	08/08/1994	K18QNH1	6.5	6.0	7.2	**6.6**	TBK	Đà Nẵng	
24	1820244891	0QP/K18ĐH	Nguyễn Thị	**Mận**	17/05/1994	K18QNH1	6.3	5.8	7.0	**6.4**	TBK	Quảng Nam	
25	1820246715	0QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Thanh	**Như**	01/01/1994	K18QNH1	5.8	5.6	6.5	**6.0**	TBK	Gia Lai	
26	1820246223	0QP/K18ĐH	Lê Thị Thúy	**Như**	10/07/1994	K18QNH1	5.8	6.1	7.0	**6.3**	TBK	Quảng Trị	
27	1820244892	0QP/K18ĐH	Lê Ngô Hải	**Như**	23/09/1994	K18QNH1	6.5	6.7	6.8	**6.7**	TBK	Đà Nẵng	
28	1820244290	0QP/K18ĐH	Trần Thị Tuyết	**Nhung**	04/01/1994	K18QNH1	5.6	6.1	6.7	**6.1**	TBK	Đà Nẵng	
29	1820243643	0QP/K18ĐH	Lê Thị Cẩm	**Nhung**	27/03/1994	K18QNH1	6.3	6.7	6.5	**6.5**	TBK	Đà Nẵng	
30	1820244894	0QP/K18ĐH	Trần Thị	**Nỡ**	07/10/1994	K18QNH1	7.3	6.8	7.2	**7.1**	K	Quảng Nam	
31	1821244288	0QP/K18ĐH	Hồ Quế	**Phương**	08/12/1994	K18QNH1	6.0	5.9	6.7	**6.2**	TBK	Quảng Nam	
32	1821244284	0QP/K18ĐH	Lê Anh	**Quốc**	28/07/1994	K18QNH1	6.8	6.6	7.0	**6.8**	TBK	Quảng Trị	
33	1820244298	0QP/K18ĐH	Trương Hạnh	**Quyến**	18/07/1994	K18QNH1	6.8	5.6	7.2	**6.5**	TBK	Quảng Nam	
34	1820245880	0QP/K18ĐH	Doãn Như	**Quỳnh**	19/05/1994	K18QNH1	7.1	6.8	7.2	**7.0**	K	Đà Nẵng	
35	1821125987	0QP/K18ĐH	Bùi Công	**Sự**	04/07/1994	K18QNH1	5.8	5.6	6.3	**5.9**	TB	Quảng Bình	
36	1821244289	0QP/K18ĐH	Nguyễn Tuấn	**Tài**	16/02/1994	K18QNH1	5.8	6.1	6.8	**6.2**	TBK	Quảng Trị	
37	1821244890	0QP/K18ĐH	Hồ Lê	**Tánh**	03/07/1993	K18QNH1	5.8	6.6	6.5	**6.3**	TBK	Quảng Trị	
38	1821234876	0QP/K18ĐH	Trần Văn	**Thanh**	01/01/1993	K18QNH1	5.6	5.6	6.5	**5.9**	TB	Quảng Nam	
39	1820244293	0QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Thanh	**Thủy**	06/08/1994	K18QNH1	5.6	6.0	6.8	**6.1**	TBK	Quảng Bình	
40	1820243645	0QP/K18ĐH	Lê Nguyễn Thu	**Thủy**	09/10/1994	K18QNH1	6.5	6.0	6.2	**6.2**	TBK	Quảng Nam	
41	1820246222	0QP/K18ĐH	Phan Thị Đài	**Trang**	03/09/1994	K18QNH1	6.1	6.1	7.0	**6.4**	TBK	Quảng Nam	
42	1820246064	0QP/K18ĐH	Đặng Thị Kiều	**Trinh**	18/05/1994	K18QNH1	6.5	6.3	6.5	**6.4**	TBK	DakLak	
43	1820244295	0QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Tuyết	**Trinh**	10/05/1994	K18QNH1	6.8	6.3	7.2	**6.8**	TBK	Quảng Nam	
44	1820243644	0QP/K18ĐH	Nguyễn Diệu	**Trúc**	17/07/1994	K18QNH1	5.8	5.6	6.7	**6.0**	TBK	Kon Tum	
45	1821214230	0QP/K18ĐH	Nguyễn Quốc	**Vương**	09/03/1994	K18QNH1	5.8	5.6	6.0	**5.8**	TB	Đà Nẵng	
46	1820246319	0QP/K18ĐH	Vũ Thị Như	**Ý**	25/04/1994	K18QNH1	5.8	6.2	7.2	**6.4**	TBK	Huế	
47	1820245346	0QP/K18ĐH	Lê Thị Như	**Ý**	23/09/1994	K18QNH1	5.8	6.6	6.7	**6.4**	TBK	Quảng Nam	

STT	MSSV	SVS	HỌ VÀ	TÊN	NG.SINH	LỚP	HP1	HP2	HP3	ĐTB	XL	N.SINH	G.CHÚ
1	1820266235	01186QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Vũ	**An**	12/02/1994	K18KDN1	6.8	7.1	7.5	**7.1**	K	Gia Lai	
2	1820266085	01187QP/K18ĐH	Nguyễn Trần Quỳnh	**Anh**	28/08/1994	K18KDN1	7.1	7.8	6.8	**7.2**	K	Đà Nẵng	
3	1820264942	01188QP/K18ĐH	Trần Nữ Mai	**Anh**	09/10/1994	K18KDN1	7.1	7.6	7.0	**7.2**	K	Quảng Bình	
4	1820264931	01189QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Ngọc	**Anh**	02/09/1993	K18KDN2	7.5	7.1	7.0	**7.2**	K	Đà Nẵng	
5	1820264941	01190QP/K18ĐH	Phan Thị Ngọc	**Ánh**	01/01/1993	K18KDN2	6.5	6.8	7.5	**6.9**	TBK	Quảng Nam	
6	1820264946	01191QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Kim	**Chi**	16/04/1994	K18KDN1	7.6	7.1	6.5	**7.1**	K	Quảng Trị	
7	1820266333	01192QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Ngọc	**Diễm**	26/11/1994	K18KDN2	7.0	7.1	6.6	**6.9**	TBK	Đà Nẵng	
8	1820266522	01193QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Thu	**Diệu**	12/12/1994	K18KDN1	7.1	6.6	6.3	**6.7**	TBK	Đà Nẵng	
9	1820266332	01194QP/K18ĐH	Hồ Thị Bình	**Dương**	24/08/1993	K18KDN1	7.3	6.8	6.7	**6.9**	TBK	Kon Tum	
10	1820264928	01195QP/K18ĐH	Mạc Tường Huyền	**Giang**	15/08/1994	K18KDN1	5.9	5.2	7.0	**6.0**	TBK	Đà Nẵng	
11	1820265733	01196QP/K18ĐH	Lê Thị Hương	**Giang**	20/12/1994	K18KDN2	5.8	7.1	6.8	**6.6**	TBK	Quảng Bình	
12	1820266234	01197QP/K18ĐH	Võ Thị	**Hằng**	20/07/1994	K18KDN1	7.6	7.1	7.3	**7.3**	K	Hà Tĩnh	
13	1820264940	01198QP/K18ĐH	Huỳnh Thị Thanh	**Hằng**	10/01/1994	K18KDN2	7.6	6.6	8.0	**7.4**	K	Quảng Nam	
14	1820264935	01199QP/K18ĐH	Trần Thị Phương	**Hạnh**	19/10/1994	K18KDN2	6.8	6.4	8.0	**7.1**	K	Đà Nẵng	
15	1821264934	01200QP/K18ĐH	Ngô Văn	**Hậu**	02/11/1994	K18KDN1	7.1	7.3	6.8	**7.1**	K	Quảng Nam	
16	1821265394	01201QP/K18ĐH	Phạm Ngọc	**Hoàng**	14/01/1994	K18KDN1	7.1	6.6	7.3	**7.0**	K	Quảng Bình	
17	1820265393	01202QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Thu	**Huệ**	01/11/1994	K18KDN2	7.3	7.1	7.3	**7.2**	K	Gia Lai	
18	1821264937	01203QP/K18ĐH	Đỗ Văn	**Huy**	12/04/1992	K18KDN1	6.6	7.1	7.3	**7.0**	K	Quảng Nam	
19	1820266452	01204QP/K18ĐH	Võ Thị Diệu	**Huyền**	15/08/1994	K18KDN1	7.3	6.6	7.3	**7.1**	K	DakLak	
20	1820266088	01205QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Diệu	**Huyền**	22/04/1993	K18KDN2	7.8	7.8	7.8	**7.8**	K	Đà Nẵng	
21	1820264929	01206QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Diệu	**Linh**	24/06/1994	K18KDN1	7.1	7.1	6.8	**7.0**	K	Quảng Bình	
22	1820264948	01207QP/K18ĐH	Lê Thùy	**Linh**	24/10/1994	K18KDN2	7.2	7.1	7.3	**7.2**	K	Đà Nẵng	
23	1820264368	01208QP/K18ĐH	Phan Thị Mỹ	**Loan**	15/09/1993	K18KDN1	7.1	6.1	6.5	**6.6**	TBK	Quảng Nam	
24	1820265734	01209QP/K18ĐH	Lương Thị Phương	**Loan**	29/10/1994	K18KDN2	7.6	7.3	7.5	**7.5**	K	Quảng Bình	
25	1821265728	01210QP/K18ĐH	Đoàn Ngọc Quỳnh	**Long**	05/12/1994	K18KDN2	7.3	6.8	7.3	**7.1**	K	Đà Nẵng	
26	1820264938	01211QP/K18ĐH	Phạm Thị Mai	**Ly**	11/10/1994	K18KDN1	7.1	7.1	7.5	**7.2**	K	Quảng Bình	
27	1820264930	01212QP/K18ĐH	Phan Thị Thảo	**Ly**	27/05/1994	K18KDN2	7.0	7.1	7.3	**7.1**	K	Quảng Nam	
28	1820264374	01213QP/K18ĐH	Chang Ngọc	**Mai**	05/11/1994	K18KDN1	7.6	6.6	6.5	**6.9**	TBK	Đà Nẵng	
29	1820266089	01214QP/K18ĐH	Hoàng Thị	**Mai**	26/03/1994	K18KDN2	7.1	7.1	7.5	**7.2**	K	Thanh Hóa	
30	1821264372	01215QP/K18ĐH	Hoàng Kim	**Mạnh**	20/01/1992	K18KDN1	5.5	6.1	6.3	**6.0**	TBK	Thanh Hóa	

31	1820263695	01216QP/K18ĐH	Trần Thị	**Nga**	14/10/1994	K18KDN1	7.1	7.6	7.3	**7.3**	K	Quảng Nam	
32	1820263694	01217QP/K18ĐH	Lại Bảo	**Ngọc**	02/04/1994	K18KDN1	7.6	7.1	7.5	**7.4**	K	Đà Nẵng	
33	1820266083	01218QP/K18ĐH	Tạ Thị	**Ngọc**	30/04/1994	K18KDN2	7.8	6.9	8.0	**7.6**	K	Quảng Bình	
34	1820264380	01219QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Bích	**Ngọc**	16/10/1994	K18KDN2	7.1	7.1	7.0	**7.1**	K	Đà Nẵng	
35	1820266716	01220QP/K18ĐH	Phan Thị Thảo	**Nguyên**	01/07/1994	K18KDN1	6.6	6.1	6.3	**6.3**	TBK	Đà Nẵng	
36	1820265395	01221QP/K18ĐH	Đoàn Thị Tú	**Nguyên**	13/02/1993	K18KDN1	6.8	6.1	6.5	**6.5**	TBK	Đà Nẵng	
37	1820264377	01222QP/K18ĐH	Trương Hải	**Nhi**	16/11/1994	K18KDN1	7.1	6.6	7.0	**6.9**	TBK	Đà Nẵng	
38	1820264369	01223QP/K18ĐH	Nguyễn Thy Yến	**Nhi**	04/06/1994	K18KDN2	6.5	7.1	6.3	**6.6**	TBK	Quảng Nam	
39	1820264365	01224QP/K18ĐH	Hoàng Thị Hồng	**Nhung**	22/12/1994	K18KDN1	6.8	7.6	7.5	**7.3**	K	Đà Nẵng	
40	1820265732	01225QP/K18ĐH	Nguyễn Thị	**Nhung**	06/02/1993	K18KDN2	7.6	7.1	7.5	**7.4**	K	Quảng Trị	
41	1820265725	01226QP/K18ĐH	Đoàn Thị Hoài	**Phương**	30/04/1994	K18KDN1	7.6	7.6	7.5	**7.6**	K	Quảng Bình	
42	1820264370	01227QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Thanh	**Phương**	16/04/1994	K18KDN1	7.6	6.1	7.5	**7.1**	K	Đà Nẵng	
43	1820264378	01228QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Trúc	**Phương**	02/09/1994	K18KDN2	7.1	5.9	7.0	**6.7**	TBK	Đồng Tháp	
44	1820266455	01229QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Tùng	**Quyên**	03/03/1994	K18KDN1	6.1	6.1	6.5	**6.2**	TBK	Bình Định	
45	1820264936	01230QP/K18ĐH	Lê Thị Tịnh	**Quyên**	05/09/1994	K18KDN1	7.1	6.6	7.3	**7.0**	K	Quảng Nam	
46	1820266450	01231QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Kim	**Quyên**	10/04/1994	K18KDN2	7.3	7.1	6.8	**7.1**	K	DakLak	
47	1820263906	01232QP/K18ĐH	Phạm Thị Kim	**Quyên**	22/04/1994	K18KDN2	6.8	6.4	7.5	**6.9**	TBK	Quảng Nam	
48	1820266087	01233QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Yến	**San**	16/10/1994	K18KDN1	6.6	7.1	7.5	**7.1**	K	Đà Nẵng	
49	1820266232	01234QP/K18ĐH	Nguyễn Trà Thanh	**Tâm**	11/06/1994	K18KDN2	7.6	7.4	7.3	**7.4**	K	Quảng Nam	
50	1820265730	01235QP/K18ĐH	Hồ Thị	**Thắm**	22/06/1994	K18KDN1	7.5	7.6	7.5	**7.5**	K	Hà Tĩnh	
51	1820264375	01236QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Phương	**Thảo**	08/06/1994	K18KDN1	6.5	6.8	7.0	**6.8**	TBK	Đà Nẵng	
52	1820266233	01237QP/K18ĐH	Ngô Thị Phương	**Thảo**	01/02/1993	K18KDN2	7.0	6.6	7.3	**7.0**	K	Đà Nẵng	
53	1820265726	01238QP/K18ĐH	Cao Thị Hồng	**Thư**	04/09/1994	K18KDN2	7.6	7.1	6.8	**7.2**	K	Nghệ An	
54	1820265398	01239QP/K18ĐH	Võ Thị	**Thùy**	20/12/1994	K18KDN1	7.1	7.1	7.5	**7.2**	K	DakLak	
55	1820266521	01240QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Ngọc	**Thủy**	02/02/1994	K18KDN1	6.6	6.4	7.0	**6.7**	TBK	Gia Lai	
56	1820263693	01241QP/K18ĐH	Đỗ Phương	**Thủy**	08/03/1994	K18KDN2	8.0	6.1	7.3	**7.1**	K	Quảng Nam	
57	1820214217	01242QP/K18ĐH	Phan Thị	**Thủy**	13/09/1993	K18KDN2	7.1	7.3	7.3	**7.2**	K	Quảng Nam	
58	1820264376	01243QP/K18ĐH	Trần Thị Thu	**Tình**	15/05/1994	K18KDN1	7.0	7.6	7.3	**7.3**	K	Quảng Nam	
59	1820263696	01244QP/K18ĐH	Đặng Thị Hạ	**Trâm**	07/06/1994	K18KDN2	7.3	7.1	6.8	**7.1**	K	Đà Nẵng	
60	1820264939	01245QP/K18ĐH	Hoàng Thị Hà	**Trang**	01/06/1994	K18KDN1	7.6	7.3	6.3	**7.1**	K	Quảng Bình	
61	1820263904	01246QP/K18ĐH	Đoàn Đoan	**Trang**	20/08/1991	K18KDN1	6.6	7.3	7.5	**7.1**	K	Huế	
62	1820266454	01247QP/K18ĐH	Ngô Thị Mai	**Trang**	06/10/1994	K18KDN2	7.8	7.3	7.5	**7.5**	K	Quảng Bình	
63	1820263905	01248QP/K18ĐH	Đoàn Thu	**Trang**	08/12/1994	K18KDN2	6.9	7.1	7.8	**7.3**	K	Đà Nẵng	
64	1820263697	01249QP/K18ĐH	Nguyễn Hồ Xuân	**Trinh**	26/05/1994	K18KDN1	7.1	6.9	7.5	**7.2**	K	Đà Nẵng	
65	1820266585	01250QP/K18ĐH	Lữ Thị	**Trinh**	11/04/1994	K18KDN2	7.8	6.8	7.5	**7.4**	K	Quảng Nam	
66	1821264379	01251QP/K18ĐH	Trương Quốc	**Trung**	10/12/1994	K18KDN2	7.1	5.2	7.0	**6.4**	TBK	Huế	
67	1820266453	01252QP/K18ĐH	Phan Nguyễn Ngọc	**Tú**	03/11/1994	K18KDN1	6.8	6.1	6.7	**6.5**	TBK	Đà Nẵng	
68	1820264932	01253QP/K18ĐH	Nguyễn Thị	**Tương**	04/10/1994	K18KDN2	7.3	7.6	7.5	**7.5**	K	Quảng Bình	
69	1820264373	01254QP/K18ĐH	Vũ Thị Quỳnh	**Uyên**	22/11/1993	K18KDN1	7.6	6.6	7.5	**7.2**	K	Quảng Nam	
70	1821266548	01255QP/K18ĐH	Nguyễn Quốc	**Vinh**	22/01/1994	K18KDN2	7.3	5.5	7.3	**6.7**	TBK	Quảng Bình	
71	1820266090	01256QP/K18ĐH	Trần Thị Thu	**Vui**	06/09/1994	K18KDN2	8.0	7.1	7.1	**7.4**	K	DakLak	
72	1820264944	01257QP/K18ĐH	Trần Thị Hà	**Vy**	08/09/1994	K18KDN1	6.1	6.1	6.8	**6.3**	TBK	Quảng Ngãi	
73	1820265729	01258QP/K18ĐH	Trương Huỳnh Thùy	**Vy**	25/05/1994	K18KDN2	7.6	7.3	7.1	**7.3**	K	Đà Nẵng	
74	1821255392	01259QP/K18ĐH	Nguyễn Thị	**Yến**	20/10/1994	K18KDN1	6.6	7.6	7.0	**7.1**	K	Đak Nông	
75	1820264366	01260QP/K18ĐH	Phạm Lê Hải	**Yến**	16/07/1994	K18KDN1	6.3	5.9	7.0	**6.4**	TBK	Quảng Bình	
76	1820264943	01261QP/K18ĐH	Nguyễn Thị Hải	**Yến**	23/08/1993	K18KDN2	7.6	7.3	7.5	**7.5**	K	Quảng Bình	

TT.GDTC - QP	**P.ĐÀO TẠO ĐH & SĐH**	**PHÒNG. KHTC**	**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**
Đã ký	*Đã ký*	*Đã ký*	*Đã ký*
ThS. Lê Đức Trọng	**TS. Nguyễn Phi Sơn**	**Đỗ Văn Quý**	**PGS.TS. Lê Đức Toàn**